SAO Y; Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Nông; Thời gian ký: 03/10/2023 15:39:33 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 5845 TTr-UBND	*Đắk Nông, ngày 03 tháng 10 năm 2023*

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của HĐND tỉnh Đắk Nông

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông

Thực hiện quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Việc tham mưu ban hành các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh đã đáp ứng yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ về thời gian giao kế hoạch vốn đầu tư và giao dự toán ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 trước thời điểm ngày 01/7/2022.

Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh được tham mưu, ban hành ngay sau khi có Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

Cùng thời điểm này, một số Bộ, ngành Trung ương cũng tham mưu, ban hành các thông tư, văn bản hướng dẫn thực hiện các dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo như: Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia

giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 06/TT/2022-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025…

Sau khi tỉnh Đắk Nông giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, năm 2023, các đơn vị, địa phương đã tích cực triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Đến thời điểm hiện nay, hầu hết các dự án, tiểu dự án đã giải ngân được một phần vốn năm 2022 và đang trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt, giải ngân vốn năm 2022 chuyển qua và vốn bố trí năm 2023. Tuy nhiên, bên cạnh đó quá trình triển khai một số dự án, tiểu dự án (sử dụng nguồn vốn sự nghiệp) ở một số Sở, ngành, địa phương đã phát sinh một số khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn, cụ thể như sau:

Cơ quan được giao vốn không nhận được hồ sơ đăng ký tham gia dự án; năng lực, nhân lực của đơn vị được giao vốn không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ; không phát sinh nội dung chi từ dự án đã được cấp kinh phí; các cơ quan cấp tỉnh chủ trì dự án, tiểu dự án thành phần không có kinh phí để thực hiện kiểm tra, giám sát; hoạt động truyền thông cấp tỉnh khó chi hết dự toán được giao trong khi đó hoạt động truyền thông cấp cơ sở không có kinh phí thực hiện… Từ đó, tỷ lệ giải ngân nguồn vốn của một số dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình trong gần hai năm đạt tỷ lệ thấp hoặc đến thời điểm hiện nay chưa thể giải ngân, ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả giải ngân của toàn Chương trình.

Từ thực tiễn đó, vừa để kịp thời tận dụng tối đa nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ cho tỉnh; tạo cơ hội cho hộ nghèo, hộ cận nghèo của tỉnh được tiếp cận nguồn vốn bằng hình thức phù hợp, kịp thời, hiệu quả nhất để phát triển kinh tế vươn lên thoát nghèo. Đảm bảo theo quy định tại Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Hội đồng nhân dân tỉnh có thẩm quyền ban hành văn bản trong trường hợp để thực hiện biện pháp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương (chủ động điều tiết tỷ lệ phân bổ vốn), đây là một trong những giải pháp cần thiết, kịp thời để thúc đẩy việc giải ngân nguồn vốn đã được Trung ương hỗ trợ cho tỉnh; nâng cao tính chủ động, linh hoạt của các cấp chính quyền trong quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

Do đó, để có cơ sở kịp thời giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông các năm 2024 và 2025, đặc biệt là giao dự toán thực hiện năm 2024 (dự kiến vào tháng 12/2023), Ủy ban nhân dân tỉnh kính báo cáo và giải trình một số khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tế cần thiết, cấp thiết

phải sửa đổi, bổ sung Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Các nội dung khó khăn, vướng mắc và đề xuất sửa đổi, bổ sung, cụ thể như sau:

1. Đối với quy định tỷ lệ phân bổ nguồn vốn Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

Tại điểm a khoản 2 Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND, quy định:

"2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Tỷ lệ phân bổ: Phân bổ 20% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ quản Dự án để phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Dự án điểm nhân rộng mô hình.

Phân bổ 80% ngân sách trung ương cho các địa phương triển khai thực hiện Dự án".

Theo tỷ lệ phân bổ được quy định nêu trên, nguồn vốn được bố trí trong 02 năm (2022-2023) tại các Quyết định số 1078/QĐ-UBND và Quyết định số 2115/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho cơ quan cấp tỉnh chủ trì Dự án là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Dự án là 10.076 triệu đồng (năm 2022 là 2.863 triệu đồng và năm 2023 là 7.213 triệu đồng).

Tại khoản 9 Điều 3 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và khoản 1 Điều 4 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH quy định bốn phương thức hỗ trợ phát triển sản xuất, gồm: dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ và dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đặc thù, theo đó:

- Đối với phương thức thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng do cấp huyện, xã làm chủ đầu tư, được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 7 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH.

- Đối với phương thức thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ tại điểm a khoản 2 Điều 8 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH quy định: *"a) **Cơ quan được bố trí kinh phí** để thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất **giao cho cơ quan, đơn vị trực thuộc chủ trì thực hiện** dự án mô hình giảm nghèo tiến hành khảo sát, xây dựng dự án,...".* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có 02 đơn vị trực thuộc là Trung tâm bảo trợ xã hội và Trung tâm dịch vụ việc làm, tuy nhiện cả hai đơn vị trực thuộc này đều không có chức năng, nhiệm vụ để thực hiện các dự án giảm nghèo theo quy định.

- Đối với phương thức thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất đặc thù, khoản 2 Điều 9 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH quy định phương thức này chỉ được phép áp dụng đối với các có quan, đơn vị trực thuộc cấp Bộ, ngành Trung ương.

- Đối với phương thức còn lại thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, các cơ quan cấp tỉnh chủ trì dự án được phép tham mưu, thực hiện. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 21 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP: *Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng sở, ban, ngành trực thuộc phê duyệt dự án, kế hoạch* ***liên kết thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh;*** *Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết* ***thuộc phạm vi quản lý cấp huyện.***

Như vậy, trong bốn phương thức này, cơ quan cấp tỉnh chủ trì Dự án là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ thực hiện được dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo **chuỗi giá trị phạm vi liên huyện,** các phương thức còn lại không thực hiện được.

Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND và Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục,... lựa chọn dự án. Cơ quan cấp tỉnh chủ trì Dự án 2 (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) đã phối hợp với Liên minh hợp tác xã tỉnh, các đơn vị có liên quan thông báo Kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo đến các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, chưa có hồ sơ đăng ký tham gia dự án, do đó đến thời điểm hiện tại tỷ lệ giải ngân đạt 0%.

Qua thực tế triển khai dự án cho thấy, Đắk Nông với đặc thù là tỉnh rất có tiềm năng về phát triển chuỗi giá trị liên kết trong lĩnh vực nông nghiệp. Các ngành nghề phi nông nghiệp tại tỉnh như dịch vụ, thương mại, du lịch phát triển chậm hơn, khó hình thành chuỗi liên kết giá trị. Tuy nhiên, để hình thành và phát triển được chuỗi giá trị liên kết trong lĩnh vực nông nghiệp phải có nguồn nguyên liệu sạch, an toàn, đặc biệt các sản phẩm nông sản phải đạt các tiêu chuẩn chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm, nông nghiệp tốt, chứng nhận hữu cơ.

Trên địa bàn tỉnh hiện nay đã hình thành và đang phát triển các chuỗi giá trị liên kết, đặc biệt là chuỗi giá trị liên kết trong lĩnh vực nông nghiệp, tuy nhiên đa số các chuỗi giá trị liên kết đều được thực hiện trong phạm vi một huyện và có quy mô nhỏ lẻ; số lượng chuỗi liên kết phạm vi liên huyện hiện nay rất ít.

Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ (được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ): *"Các dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án, mô hình có trên 70% người dân tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo".* Với điều kiện này mỗi chuỗi giá trị liên kết yêu cầu phải có số lượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tương đối lớn (đa số năng lực sản xuất còn nhiều hạn chế, kỹ năng áp

dụng khoa học kỹ thuật yếu, … rất dễ làm đứt gãy các chuỗi liên kết). Bên cạnh đó, nội dung hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước và mục tiêu của Chương trình là đầu tư, hỗ trợ cho đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo. Đối với các hộ không là hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, hợp tác xã, doanh nghiệp, … khi tham gia vào dự án chỉ được hỗ trợ các nội dung như đào tạo kiến thức lý thuyết, kỹ thuật sản xuất. Trách nhiệm quản lý dự án của đơn vị chủ trì liên kết rất cao nhưng mức thụ hưởng nguồn lực từ dự án rất ít, từ đó rất khó để thu hút các hợp tác xã, doanh nghiệp ký kết hợp đồng tham gia dự án.

Nếu các năm 2024, 2025 tiếp tục phân vốn về đơn vị chủ trì dự án cấp tỉnh thì sẽ rất khó khăn trong việc giải ngân. Do đó, chủ động, linh hoạt trong việc giao dự toán ngân sách nhà nước, phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương, đề nghị Hội đồng nhân tỉnh cho điều chỉnh nội dung đã được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành:

"a) Tỷ lệ phân bổ: Phân bổ tối đa 10% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ trì Dự án để triển khai thực hiện Dự án.

Phân bổ tối thiểu 90% ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố để triển khai thực hiện Dự án."

2. Đối với quy định tỷ lệ phân bổ nguồn vốn Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp (thuộc Dự án 3)

Tại điểm a khoản 3 Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND, quy định:

"a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

+ Tỷ lệ phân bổ: Phân bổ 20% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ quản Dự án để phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

Phân bổ 80% ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố để triển khai thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3".

Tại các Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 và Quyết định số 2115/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan cấp tỉnh chủ trì tiểu dự án được giao tổng kinh phí 4.420.000 triệu đồng để thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3 Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (vốn năm 2022 và năm 2023). Tuy nhiên, đến nay, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ mới tổ chức thực hiện được nội dung tập huấn quản lý chuỗi phát liên kết sản xuất, tỷ lệ giải ngân đạt rất thấp (165.690 triệu đồng/4.420.000 triệu đồng).

Theo quy định, đối với Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, cơ quan cấp tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) được thực hiện hai phương thức hỗ trợ phát triển sản xuất, gồm: dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị phạm vi liên huyện và hỗ trợ phát

triển sản xuất theo nhiệm vụ.

Tuy nhiên, phương thức hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị phạm vi liên huyện (gặp khó khăn, vướng mắc tương tự như Dự án 2 đã giải trình ở khoản 1 nêu trên) và phương thức hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ khó thực hiện, với lý do: tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, quy định:

"14. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau:

Điều 23. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

1. Điều kiện thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

a) Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ được áp dụng trong thực hiện các dự án, mô hình thuộc quản lý của các cơ quan trung ương.

Đối với thực hiện các dự án, mô hình thuộc quản lý của địa phương, chỉ áp dụng cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ trong trường hợp đã xem xét khả năng áp dụng hình thức hỗ trợ theo quy định tại Điều 21, Điều 22 nhưng không huy động được sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức khác hoặc không có đề xuất từ cộng đồng dân cư; hoặc thực hiện các dự án hỗ trợ người dân đang chịu thiệt hại nặng nề bởi thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường; dự án, mô hình cho các nhóm đối tượng yếu thế; hỗ trợ sản xuất gắn với củng cố quốc phòng an ninh, bình đẳng giới; mô hình ứng dụng công nghệ, kỹ thuật sản xuất mới."

Do đó, để phù hợp với tình hình thực tiễn tại tỉnh và các quy định hiện hành trong thực hiện chương trình, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh nội dung đã được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND, thành:

"a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

Phân bổ tối đa 10% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ trì Dự án để triển khai thực hiện Dự án.

Phân bổ tối thiểu 90% ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố triển khai thực hiện Dự án".

3. Đối với quy định tỷ lệ phân bổ nguồn vốn Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng (thuộc Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng)

Tại điểm b khoản 3 Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của HĐND tỉnh, quy định:

"*b) Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng*

+ Tỷ lệ phân bổ: Phân bổ 20% ngân sách Trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ quản Dự án để phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

Phân bổ 80% ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố để triển khai thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 3".

Trên cơ sở này, năm 2023 UBND tỉnh đã thực hiện phân bổ cho Sở Y tế 1.143 triệu đồng; UBND các huyện, thành phố 4.573 triệu đồng (dự án này năm 2022 Trung ương không giao vốn).

Quá trình triển khai thực hiện, Sở Y tế đã lập Kế hoạch, chuẩn bị giải ngân vốn được giao, dự kiến đạt 100%.

Tại cấp huyện, Phòng y tế được bố trí vốn, có trách nhiệm triển khai thực hiện dự án, tuy nhiên hiện nay biên chế Phòng y tế chỉ có 01 đến 02 cán bộ, không đủ nhân lực và năng lực, chuyên môn nghiệp vụ để triển khai. Đồng thời, ở một số huyện như Tuy Đức, Đắk Mil, Đắk Glong sáp nhập Phòng y tế vào Văn phòng UBND huyện, do đó việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc tiểu dự án cải thiện dinh dưỡng gặp rất nhiều khó khăn. Từ tình hình thực tế nêu trên, việc thực hiện chuyển nguồn kinh phí để giao về cơ quan chuyên môn cấp tỉnh chủ trì tiểu dự án là Sở Y tế (giao nguồn vốn cho các đơn vị trực thuộc là Trung tâm Y tế các huyện, thành phố) để quản lý, tổ chức thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và tập trung, hiệu quả, tiết kiệm.

Do đó, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh cho điều chỉnh: Điểm b khoản 3 Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của HĐND tỉnh, thành:

"b) Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

Phân bổ 100% ngân sách Trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ trì Dự án để phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện."

4. Đối với Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo (thuộc Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin)

Tại điểm b khoản 6 Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND, quy định:

"b) Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo

Tỷ lệ phân bổ vốn: Phân bổ 100% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ quản Tiểu dự án để thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 6."

Với quy định này, tổng nguồn vốn 02 năm (2022 và 2023) giao về cơ quan cấp tỉnh chủ trì tiểu dự án là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là 2.677 triệu đồng để thực hiện tiểu dự án. Năm 2022, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã triển khai thực hiện và giải ngân 486 triệu đồng đạt tỷ lệ 100% nguồn vốn được giao năm 2022. Năm 2023, chỉ mới giải ngân được 991/2.196 triệu đồng, đạt tỷ lệ 45,13%.

Theo Thông tư số 06/TT/2022-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, quy định tại "*Điều 14. Nhiệm vụ công tác thông tin, truyền thông về công tác giảm nghèo đa chiều và Điều 15. Các hình thức thông tin, tuyên truyền về giảm nghèo đa chiều.*"

Theo đó, các nhiệm vụ và hình thức thông tin, tuyên truyền về giảm nghèo đa chiều thực hiện được ở cả cơ quan cấp tỉnh và cấp cơ sở (huyện, xã). Với các hình thức nêu trên việc ưu tiên nguồn lực để cấp tỉnh thực hiện các nội dung thông tin, tuyên truyền trên báo chí, xuất bản phẩm; tổ chức các hoạt động, phong trào thi đua "Vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau" quy mô cấp tỉnh; thực hiện các Chương trình truyền hình, phát hành sổ tay, tờ rơi; duy trì hoạt động Trang thông tin điện tử về giảm nghèo. Cấp huyện thực hiện các hoạt động phù hợp thực tế tại cộng đồng, như: tổ chức đối thoại nói chuyện chuyên đề (bằng tiếng dân tộc, tại các cụm dân cư, loa truyền thanh cấp xã,...) ; sân khấu hóa các hoạt động truyền thông về giảm nghèo thu hút chính người dân tham gia sát với tình hình thực tiễn tại tỉnh ta (tỷ lệ hộ nghèo cao 7,97%, trong đó hộ nghèo là người đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 20,11%). Địa hình tại tỉnh ta đa phần đồi núi, nhiều thôn/buôn/bon cách xa trung tâm các xã, thị trấn.

Do đó, với tỷ lệ phân bổ vốn quy định thực hiện Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo tại điểm b khoản 6 Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 chỉ phân bổ vốn cho cơ quan chủ trì tiểu dự án cấp tỉnh (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội), còn lại cấp cơ sở (huyện, xã) không có kinh phí để thực hiện nhiệm vụ này.

Đồng thời, để thực hiện hiệu quả nguyên tắc trong quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ: *"3. Đẩy mạnh phân cấp, trao quyền cho địa phương, nhất là cấp cơ sở nhằm nâng cao tính chủ động, linh hoạt của các cấp chính quyền trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư tham gia vào quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát các chương trình mục tiêu quốc gia*", việc phân bổ vốn về cấp cơ sở đối với Tiểu dự án này sẽ hạn chế tình trạng cơ quan cấp tỉnh dư vốn, cấp cơ sở thiếu vốn nhằm tận dụng tối đa nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ để thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 6 trên địa bàn tỉnh.

Do đó, đề xuất điều chỉnh điểm b khoản 6 Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND, thành:

"b) Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo

Tỷ lệ phân bổ vốn: Phân bổ 60% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ trì Tiểu dự án để thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 6.

Phân bổ 40% ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố để thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 6".

5. Đối với Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình

Tại điểm a khoản 7 Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND, quy định:

"a) Tỷ lệ phân bổ vốn: Phân bổ 40% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ quản Dự án để phối hợp với các đơn vị có liên quan và địa phương để tổ chức triển khai thực hiện nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình.

Phân bổ 60% ngân sách trung ương cho các địa phương triển khai thực hiện Dự án".

Tuy nhiên, Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5:

"b) Các sở, ban, ngành chủ trì, quản lý, tham gia thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình

- Phê duyệt kế hoạch, tổ chức giám sát, đánh giá; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã triển khai giám sát, đánh giá; tổng hợp kết quả thực hiện dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần do sở, ban, ngành chủ trì, quản lý, tham gia thực hiện.

- Báo cáo kết quả thực hiện đối với các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình do sở, ban, ngành chủ trì, quản lý, tham gia thực hiện gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ, cơ quan trung ương chủ trì dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình."

Như vậy, theo tỷ lệ phân bổ vốn quy định tại điểm b khoản 7 Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND thì các Sở, ngành chủ trì dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình không có kinh phí để chủ động triển khai thực hiện giám sát, đánh giá. Do đó, đề xuất điều chỉnh điểm a khoản 7 Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND, thành:

"7. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình

a) Tỷ lệ phân bổ vốn: Phân bổ 20% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ trì Chương trình để tổ chức triển khai thực hiện Dự án nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình.

Phân bổ 20% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ trì dự án, tiểu dự án thành phần thuộc chương trình để tổ chức giám sát, đánh giá các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình được phân công.

Phân bổ 60% ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố triển khai thực hiện Dự án."

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Việc sửa đổi, bổ sung Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh làm căn cứ triển khai thực hiện lập kế hoạch sử dụng nguồn ngân sách nhà nước của Chương trình cho các cấp, các ngành và đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong việc thực hiện các Dự án, Tiểu dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 và năm 2025. Góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình bảo đảm đúng phạm vi, đối tượng, nguyên tắc, tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao trong thực hiện Chương trình, đồng thời làm căn cứ để giám sát, kiểm tra việc thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2. Quan điểm

- Thực hiện đúng trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương trong việc cụ thể hóa quy định của Trung ương. Việc sửa đổi, bổ sung quy định của Nghị quyết đảm bảo quy định hiện hành về xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Đảm bảo theo đúng định hướng, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

- Bảo đảm tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của các bên liên quan trong quá trình triển khai thực hiện.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện kết luận Phiên họp thứ 36 Thường trực HĐND tỉnh Khóa IV tại Thông báo số 44/TB-HĐND ngày 18/9/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị có liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông. Cơ quan soạn thảo đã tiến hành xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết, lấy ý kiến các Sở, Ban, ngành, đơn vị có liên quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh; tổng hợp ý kiến tham gia góp ý, tiếp thu, giải trình việc tiếp thu hoặc không tiếp thu ý kiến của các cơ quan, đơn vị; hoàn chỉnh lại nội dung hồ sơ dự thảo Nghị quyết đề nghị Sở Tư pháp thẩm định theo đúng quy định của pháp luật.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 34/BCTĐ-STP ngày 25/9/2023, cơ quan được giao chủ trì soạn thảo đã tiếp thu hoàn thiện hồ sơ Nghị quyết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Tờ trình số 145/TTr-SLĐTBXH ngày 27/9/2023 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Ngày 28/9/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh đã lấy ý kiến bằng phiếu đối với các đồng chí Thành viên UBND tỉnh; tính đến ngày 02/10/2023 có 18/24 ý kiến thống nhất thông qua và 01/24 ý kiến đề nghị xem lại đơn vị nhận kinh phí phân bổ của Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3 *(cơ quan soạn thảo đã có văn bản giải trình gửi kèm theo)*.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Ngoài phần căn cứ, dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông gồm có 04 Điều, cụ thể:

- Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông, gồm có 6 khoản:

1. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 6, như sau:

"2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Tỷ lệ phân bổ: Phân bổ tối đa 10% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ trì Dự án để triển khai thực hiện Dự án.

Phân bổ tối thiểu 90% ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố để triển khai thực hiện Dự án."

2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 6, như sau:

"a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

Phân bổ tối đa 10% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ trì Dự án để triển khai thực hiện Dự án.

Phân bổ tối thiểu 90% ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố triển khai thực hiện Dự án".

3. Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 6, như sau:

"b) Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

Phân bổ 100% ngân sách Trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ trì Dự án để phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện."

4. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 6 Điều 6, như sau:

"b) Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo

Tỷ lệ phân bổ vốn: Phân bổ 60% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ trì Tiểu dự án để thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 6.

Phân bổ 40% ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố để thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 6."

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 7 Điều 6, như sau:

"7. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình

a) Tỷ lệ phân bổ vốn: Phân bổ 20% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ trì Chương trình để tổ chức triển khai thực hiện Dự án nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình.

Phân bổ 20% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ trì dự án, tiểu dự án thành phần thuộc chương trình để tổ chức giám sát, đánh giá các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình được phân công.

Phân bổ 60% ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố triển khai thực hiện Dự án."

6. Bổ sung khoản 8 Điều 6, như sau:

"Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ tình hình thực tế của địa phương để quyết định phân bổ cho phù hợp."

- Điều 2. Các nội dung khác tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Điều 3. Tổ chức thực hiện

- Điều 4. Hiệu lực thi hành

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ): Không

Trên đây là Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Hồ sơ dự thảo gửi kèm, gồm: (1) Dự thảo Nghị quyết; (2) Báo cáo đánh giá tác động của Nghị quyết; (3) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; (4) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; (5) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan).

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, TH, KGVX (Q).

30

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tôn Thị Ngọc Hạnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2023/NQ-HĐND	*Đắk Nông, ngày tháng năm 2023*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA IV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ Thông tin và truyền thông hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 6, như sau:

"2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Tỷ lệ phân bổ: Phân bổ tối đa 10% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ trì Dự án để triển khai thực hiện.

Phân bổ tối thiểu 90% ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố để triển khai thực hiện Dự án."

2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 6, như sau:

"a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

Phân bổ tối đa 10% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ trì Tiểu dự án để triển khai thực hiện.

Phân bổ tối thiểu 90% ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố triển khai thực hiện Tiểu dự án".

3. Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 6, như sau:

"b) Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

Phân bổ 100% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ trì Tiểu dự án để triển khai thực hiện."

4. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 6 Điều 6, như sau:

"b) Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo

Tỷ lệ phân bổ vốn: Phân bổ 60% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ trì Tiểu dự án để triển khai thực hiện.

Phân bổ 40% ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố để thực hiện Tiểu dự án."

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 7 Điều 6, như sau:

"7.Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình

a) Tỷ lệ phân bổ vốn: Phân bổ 20% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ trì Chương trình để tổ chức triển khai thực hiện Dự án nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình.

Phân bổ 20% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ trì dự án, tiểu dự án thành phần thuộc chương trình để tổ chức giám sát, đánh giá các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình được phân công.

Phân bổ 60% ngân sách trung ương cho các địa phương triển khai thực hiện Dự án."

6. Bổ sung khoản 8 Điều 6, như sau:

"Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ tình hình thực tế của địa phương để quyết định phân bổ cho phù hợp."

Điều 2. Các nội dung khác tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước

và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Khóa IV, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ 8 thông qua ngày ... tháng ... năm 2023 và có hiệu lực từ ngày ... tháng .... năm 2023./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Lao động – Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban đảng Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh khóa IV;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, TP;
- UBND các xã trên địa bàn tỉnh;
- Công báo tỉnh; Cổng TTĐT tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh; Báo Đắk Nông;
- Trung tâm Lưu trữ - Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, CT HĐND, HC-TC-QT, HSKH.

CHỦ TỊCH

Lưu Văn Trung

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG **SỞ TƯ PHÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 34 /BCTĐ-STP	*Đắk Nông, ngày 25 tháng 9 năm 2023*

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông

Thực hiện quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020); theo đề nghị của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại văn bản số 1495/SLĐTBXH-BTXH&PCTN về việc đề nghị thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản thuộc Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp tiến hành thẩm định dự thảo Nghị quyết với những nội dung chính như sau:

1. Sự cần thiết ban hành dự thảo Nghị quyết; đối tượng, phạm vi điều chỉnh đối với dự thảo Nghị quyết

a) Sự cần thiết ban hành dự thảo Nghị quyết

- Về cơ sở pháp lý:

Ngày 17/6/2022, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Đến thời điểm hiện tại, các căn cứ pháp lý trực tiếp để ban hành Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND vẫn còn hiệu lực. Trong đó, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP, qua rà soát của Sở Tư pháp nội dung sửa đổi không liên quan trực tiếp đến các nội dung tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND.

- Cơ sở thực tiễn (Theo giải trình của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tại dự thảo Tờ trình):

"Việc tham mưu ban hành các nghị quyết của HĐND tỉnh và các quyết định của UBND tỉnh đã đáp ứng yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ về thời gian giao kế hoạch vốn đầu tư và giao dự toán ngân sách nhà nước (trước 01/7/2022). Tuy nhiên, sau khi tỉnh Đắk Nông giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, năm 2023 một số Bộ, ngành Trung ương mới ban hành các thông tư, văn bản hướng dẫn thực hiện và giao các chỉ tiêu, nhiệm vụ các dự án thành phần, dẫn đến một số chỉ tiêu, nhiệm vụ không trùng khớp với các nhiệm vụ, mục tiêu mà HĐND và UBND tỉnh đã giao và phân bổ dự toán giai đoạn 2021-2025, năm 2022, năm 2023 cho các ngành, địa phương. Từ đó, kinh phí đã được giao dự toán ở một số dự án, tiểu dự án thành phần (nguồn vốn sự nghiệp) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo trong 02 năm 2022-2023 vừa qua không thể giải ngân hoặc khó khăn trong việc giải ngân, ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ giải ngân toàn Chương trình. Để có cơ sở kịp thời giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2024 (dự kiến vào tháng 12/2023), đồng thời, để giải quyết một số khó khăn, vướng mắc...". Đối với nội dung này, đề nghị cơ quan soạn thảo cần làm rõ hơn nội dung không trùng khớp giữa các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương sau khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND (không trùng khớp tại văn bản nào, điều khoản nào?....). Vì qua rà soát, nghiên cứu nội dung giải trình và các văn bản có liên quan, Sở Tư pháp thấy chủ yếu vướng về tình hình thực hiện trên thực tế của địa phương (không phát sinh hoặc chưa phát sinh một số nội dung, dự án đã được cấp kinh phí), không vướng về quy định có liên quan của cơ quan Trung ương đến thời điểm hiện tại?

Theo quy định tại Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì HĐND tỉnh có thẩm quyền ban hành văn bản trong trường hợp để thực hiện biện pháp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nên việc UBND tỉnh tham mưu HĐND tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết là phù hợp, đúng thẩm quyền, tuy nhiên, đối với sự cần thiết ban hành văn bản, cơ quan soạn thảo cần làm rõ thêm một số nội dung như đã nêu.

b) Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo cơ bản phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan và tình hình thực tiễn tại địa phương.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân quy định chi tiết; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật

- Đối với tên gọi Nghị quyết, đề nghị rà soát, viết chính xác và thống nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 77 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Mẫu số 36 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP:

"Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông".

- Đối với phần căn cứ pháp lý:

+ Đề nghị bổ sung căn cứ pháp lý sau: *Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020* cho đầy đủ, chính xác.

+ Bỏ căn cứ: *Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông*, cho chính xác theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

- Tại khoản 1 Điều 1 dự thảo:

+ Đối với nội dung "*Đối với Sở Lao động – TB&XH là cơ quan cấp tỉnh chủ trì Dự án 2, chỉ thực hiện được dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị **phạm vi liên huyện**, các phương thức còn lại không được phép thực hiện*" theo giải trình của cơ quan soạn thảo về lý do sửa đổi "*phân bổ 100% vốn cho cấp huyện triển khai*" (theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND thì "*Phân bổ 20% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ quản Dự án để phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Dự án điểm nhân rộng mô hình*" , đề nghị làm rõ hơn cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn? Vì qua rà soát của Sở Tư pháp không có nội dung nào quy định về vấn đề trên.

+ Hơn nữa trong nội dung về dự án 2 về đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo tại Quyết định số 90/QĐ-TTg vẫn có nội dung hỗ trợ về "nhân rộng, phát triển mô hình, dự án giảm nghèo" (mặc dù so với Quyết định số 1722/QĐ-TTg cách dùng từ ngữ khác – tại tiểu dự án 3 Quyết định 1722/QĐ-TTg quy định *"Tiểu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn*

vùng bãi ngang ven biển và hải đảo." Nhưng về cơ bản nội dung, đối tượng hỗ trợ là như nhau). Do đó, nội dung thực hiện nhân rộng mô hình giảm nghèo nếu xuất phát từ huyện này để áp dụng cho huyện khác thì vẫn thuộc trách nhiệm của cơ quan chủ trì cấp tỉnh?

Vì vậy, theo ý kiến của Sở Tư pháp đối với nội dung này có thể sửa lại theo hướng quy định mức phân bổ tối đa, tối thiểu (ví dụ: phân bổ cho cơ quan cấp tỉnh tối đa 10%, cơ quan cấp huyện tối thiểu 90%...để các cơ quan này chủ động thực hiện và tránh trường hợp sang năm tiếp theo phát sinh dự án liên kết huyện – như giải trình của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội hoặc để thực hiện việc nhân rộng mô hình giảm nghèo từ huyện này qua huyện khác? Trong trường hợp không phát sinh các nội dung này trong năm thì phân bổ hết 100% cho cấp huyện để thực hiện. Đồng thời tránh trường hợp phải sửa đổi, bổ sung văn bản nhiều lần.

+ Tại dự thảo Tờ trình, cơ quan soạn thảo đã nêu: *"Như vậy, để thực hiện phù hợp, hiệu quả nguyên tắc trong quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia quy định tại Khoản 3, Điều 4, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 ngày 4 năm 2022 của Chính phủ: "3. Đẩy mạnh phân cấp, trao quyền cho địa phương, nhất là cấp cơ sở nhằm nâng cao tính chủ động, linh hoạt của các cấp chính quyền trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư tham gia vào quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát các chương trình mục tiêu quốc gia", tận dụng tối đa nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ cho tỉnh để thực hiện Dự án 2 của Chương trình. Đặc biệt, phù hợp với tình hình thực tiễn tại tỉnh (qua gần hai năm triển khai Chương trình, theo đánh giá của các đơn vị, địa phương Đắk Nông phù hợp để thực hiện phương thức hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng), nếu các năm 2024, 2025 tiếp tục phân vốn về đơn vị chủ trì dự án cấp tỉnh thì sẽ khó khăn hoặc không thể giải ngân. Do đó, đề nghị Hội đồng nhân tỉnh cho điều chỉnh nội dung đã được quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND, ngày 17 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh, thành:*

"2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Tỷ lệ phân bổ: Phân bổ 100% ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố để triển khai thực hiện Dự án":.

Tuy nhiên, cơ quan soạn thảo cần phải cáo kết quả cụ thể về tiến độ giải ngân, kết quả triển khai của "Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo" tại các huyện, thành phố để tăng tính thuyết phục, tạo cơ sở của việc đề xuất sửa đổi, bổ sung (tại Phụ lục kết quả giải ngân gửi kèm hồ sơ thẩm

định, số liệu đưa ra là số liệu chung về kết quả giải ngân vốn chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo năm 2022, năm 2023 đến ngày 25/8/2023, không phải là số liệu đối với từng dự án – liên quan đến việc đề xuất sửa đổi, bổ sung).

+ Ngoài ra, tại dự thảo Tờ trình, cơ quan soạn thảo có nêu "*Theo tỷ lệ phân bổ được quy định nêu trên, nguồn vốn được bố trí trong 02 năm (2022-*

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Đơn vị thực hiện	Tổng cộng vốn được giao 2 năm (2022 và 2023	Năm 2023 (QĐ số 2115/QĐ-UBND)	Năm 2022 (QĐ số 1078/QĐ-UBND)	Tổng giải ngân vốn cả 2 năm 2022 và 2023	Tỷ lệ	Kết quả giải ngân vốn được giao năm 2022								Kết quả giải ngân vốn giao năm 2023							
							Tổng giải ngân vốn năm 2022	Tỷ lệ	Vốn đầu tư			Vốn sự nghiệp			Tổng giải ngân vốn năm 2023	Tỷ lệ	Vốn đầu tư			Vốn sự nghiệp		
									Tổng	NSTW	NSĐP	Tổng	NSTW	NSĐP			Tổng	NSTW	NSĐP	Tổng	NSTW	NSĐP
Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững		547.054	330.258	216.796	127.002	23	122.014	1	113.076	111.332	1.744	8.939	8.293	646	4.987	0	4.673	4.673	0	314	314	2
I	Sở, ban ngành cấp tỉnh	54.979	36.030	18.949	2.648	5	2.648	0	0	0	0	2.648	2.390	258	0	0	0			0		
1	Sở Nông nghiệp và PTNT	4.420	3.181	1.239	165	4	165	0	0	0	0	165	165	0	0	0	0			0		
2	Sở Y tế	1.143	1.143		0	0	0		0	0	0	0			0	0	0			0		
3	Sở Lao động-TB&XH	35.083	23.702	11.381	3.594	10	2.094	0	0	0	0	2.094	1.871	223	1.500	0	0			1.500	1.500	

2023) tại các Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách nhà nước thực hiện 03 chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2022 và Quyết định số 2115/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách nhà nước thực hiện 03 chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023 ***cho cơ quan cấp tỉnh chủ quản Dự án là Sở Lao động – Thương binh và Xã hội để phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Dự án là 10.076 triệu đồng*** *(năm 2022 là 2.863 triệu đồng và năm 2023 là 7.213 triệu đồng)*".

Tuy nhiên, Phụ lục kết quả giải ngân gửi kèm hồ sơ thẩm định, số liệu đưa ra là số liệu chung về kết quả giải ngân vốn chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo năm 2022, năm 2023 đến ngày 25/8/2023, các số liệu liên quan được đưa ra chưa thống nhất. Tại cột Kết quả giải ngân vốn giao năm 2023 lại được giao 1.500 triệu đồng. Đề nghị cơ quan soạn thảo phân tích rõ hơn các số liệu nêu trên, ngoài những số liệu chung thì cần chi tiết, bóc tách các số liệu cụ thể liên quan đến những nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung trong dự thảo.

- Tại khoản 2 Điều 1:

Tại dự thảo Tờ trình, cơ quan soạn thảo đã đưa ra lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung như sau: "*phương thức hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị phạm vi liên huyện (gặp khó khăn, vướng mắc tương tự như Dự án 2 đã giải*

trình ở khoản 1 nêu trên) và phương thức hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ không được khuyến khích thực hiện...".

Tuy nhiên, tại khoản 14, Điều 1, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP đã quy định:

"1. Điều kiện thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

a) Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ được áp dụng trong thực hiện các dự án, mô hình thuộc quản lý của các cơ quan trung ương.

Đối với thực hiện các dự án, mô hình thuộc quản lý của địa phương, ***chỉ áp dụng cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ trong trường hợp đã xem xét khả năng áp dụng hình thức hỗ trợ theo quy định tại Điều 21, Điều 22 nhưng không huy động được sự tham gia*** *của doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức khác* ***hoặc không có đề xuất*** *từ cộng đồng dân cư;* ***hoặc thực hiện*** *các dự án hỗ trợ người dân đang chịu thiệt hại nặng nề bởi thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường; dự án, mô hình cho các nhóm đối tượng yếu thế; hỗ trợ sản xuất gắn với củng cố quốc phòng an ninh, bình đẳng giới; mô hình ứng dụng công nghệ, kỹ thuật sản xuất mới...".*

Như vậy, quy định của pháp luật không phải mang tính "không được khuyến khích thực hiện" như cơ quan soạn thảo đã đề cập; mà quy định rất rõ về thứ tự ưu tiên thực hiện. Vì vậy, cơ quan soạn thảo cần chứng minh cụ thể hơn việc không thể đáp ứng các yêu cầu, nội dung công việc theo thứ tự ưu tiên mà pháp luật đã quy định để tạo tính thuyết phục trong nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung.

- Tại khoản 3 Điều 1:

Tại dự thảo Tờ trình, cơ quan soạn thảo đã đưa ra lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung như sau: *"Tuy nhiên, tại các văn bản của Bộ Y tế về thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia gồm: Quyết định số 2415/QĐ-BYT ngày 05/9/2022; Quyết định số 1768/QĐ-BYT ngày 30/6/2022 và Quyết định số 1858/QĐBYT ngày 06/7/2022 để hướng dẫn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia,* ***đều có hướng dẫn về phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em là chủ yếu****, trong khi đó mỗi huyện có 2 đơn vị (Phòng Y tế do UBND huyện giao vốn, Trung tâm Y tế huyện do Sở Y tế giao vốn) cùng có nguồn kinh phí để thực hiện, nếu để 02 đơn vị* ***cùng*** *triển khai việc mua sản phẩm dinh dưỡng cấp cho trẻ em* ***thì chắc chắn sẽ có sự trùng lắp đối tượng*** *trên cùng 01 địa bàn. Đồng thời, một số Phòng Y tế cấp huyện (Tuy Đức, Đắk Glong, Đắk Mil) hiện tại biên chế chỉ có 01 đến 02 cán bộ, không đủ nhân lực để triển khai thực hiện và triển*

khai Chương trình, đồng thời không đúng với chức năng, nhiệm vụ được giao tại các văn bản hướng dẫn nêu trên, sẽ khó khăn trong việc thực hiện dự án, quyết toán, thanh tra, kiểm toán,...".

Ngày 06/9/2023, Bộ Y tế đã ban hành Quyết định số 3452/QĐ-BYT hướng dẫn thực hiện nội dung cải thiện dinh dưỡng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và thay thế Quyết định số 1768/QĐ-BYT ngày 30/6/2022 của Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện nội dung cải thiện dinh dưỡng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu quy định này để tham mưu cho phù hợp.

Cụ thể: tại Quyết định số 3452/QĐ-BYT đã xác định đối tượng hỗ trợ trực tiếp là trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo **và** phụ nữ mang thai và cho con bú, hộ gia đình, cơ sở y tế, trường học trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo. Ngoài ra, Quyết định số 3452/QĐ-BYT đã quy định cụ thể phương thức hỗ trợ tại mục III.2; đồng thời, cũng quy định cụ thể các nội dung hoạt động cải thiện dinh dưỡng mà địa phương thực hiện tại muc VII.1.2, VII.2.2, VII.3.2. Theo đó, nội dung hoạt động cải thiện dinh dưỡng không chỉ tập trung vào việc triển khai việc mua sản phẩm dinh dưỡng cấp cho trẻ em mà còn các hoạt động khác (ví dụ: Tăng cường chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, bà mẹ cho con bú; tăng cường nuôi con bằng sữa mẹ và ăn bổ sung thông qua các hình thức truyền thông trực tiếp, thực hành dinh dưỡng tại trạm y tế xã, phường, thị trấn, thôn bản; Tổ chức thực hiện bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng và giáo dục dinh dưỡng cho học sinh bán trú/nội trú;...). Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu thêm các nội dung này. Đồng thời, đề nghị rà soát, đánh giá kỹ cho phù hợp với nguyên tắc trong quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia quy định tại khoản 3 Điều 4, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP: *"3. Đẩy mạnh phân cấp, trao quyền cho địa phương, nhất là cấp cơ sở nhằm nâng cao tính chủ động, linh hoạt của các cấp chính quyền trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia..."*.

- Tại khoản 4 Điều 1:

+ Việc đề xuất có cơ sở theo nguyên tắc trong quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia quy định tại khoản 3 Điều 4, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP. Tuy nhiên, cơ quan soạn thảo cần làm rõ hơn, giải trình cụ thể về cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung tỷ lệ phân bổ vốn. Dựa vào những cơ sở, yếu tố nào để phân bổ 100% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh thành

phân bổ 60% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ trì Tiểu dự án để thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 6; phân bổ 40% ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố để thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 6 đối với hoạt động về Truyền thông về giảm nghèo?

Cơ quan soạn thảo cần phải dựa vào các nội dung quy định tại Điều 14, Điều 15 Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT để xác định cụ thể khối lượng công việc của cấp tỉnh, cấp huyện trong hoạt động về Truyền thông về giảm nghèo. Từ đó, đề xuất tỷ lệ phân bổ vốn cho phù hợp.

- Tại khoản 5 Điều 1:

+ Tại khoản 2 Điều 77 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã quy định: "*Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều phải xác định rõ chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ*". Việc cơ quan soạn thảo quy định "5. *Sửa đổi, bổ sung **tiết 1**, điểm a, khoản 7, Điều 6, như sau:...*" là chưa phù hợp (sửa đổi, bổ sung điểm...). Đề nghị xây dựng lại bố cục của khoản 5 cho đầy đủ, đúng quy định.

+ Đề nghị rà soát lại, việc đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung "*Trong đó, Sở Thông tin và Truyền thông 5%; Sở Xây dựng 5%; Sở Y tế 5%; Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn 5%*" trong Nghị quyết có phù hợp không?

Ngoài ra, cơ quan soạn thảo cần:

- Nghiên cứu bổ sung "Quy định chuyển tiếp" để kịp thời xử lý những hệ quả phát sinh trên thực tế khi dự thảo được thông qua (nếu có).

- Tiếp tục rà soát toàn bộ Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND để tham mưu sửa đổi, bổ sung các nội dung khác cho phù hợp, đầy đủ (nếu có).

3. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Cơ quan soạn thảo cần rà soát lại lỗi chính tả cho phù hợp với ngôn ngữ tiếng Việt, đồng thời trình bày văn bản theo đúng quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Cụ thể:

- Xây dựng dự thảo theo đúng Mẫu số 36 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

- Sửa lại tên gọi và căn cứ pháp lý như đã nêu tại mục 2. Rà soát, trình bày "*ngày...tháng...năm*" tại các căn cứ pháp lý cho thống nhất.

- Việc trình bày các khoản tại Điều 1 dự thảo cần được trình bày theo Mẫu số 36 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP và Điều 77, Điều 78, Điều 79 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa tên Điều, chú ý dấu ngoặc kép...). Rà soát toàn bộ dự thảo để chỉnh sửa cho phù hợp.

- Rà soát, trình bày chữ ký văn bản, Nơi nhận: đề nghị thực hiện theo đúng quy định tại Điều 65, Điều 67 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

b) Đối với dự thảo Tờ trình

- Nội dung Tờ trình cần trình bày đúng và đầy đủ nội dung theo Mẫu số 03 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

- Thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo Tờ trình cần thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ về công tác văn thư.

4. Kết luận chung

Việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông là đúng thẩm quyền và cần thiết.

Tuy nhiên về nội dung, cơ quan soạn thảo cần xem xét, nghiên cứu những vấn đề mà Sở Tư pháp nêu tại mục 1, 2, 3 của Báo cáo thẩm định này, từ đó tiếp tục chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo trước khi trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

Trên đây là nội dung Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu thực hiện theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở LĐTB&XH (t/h);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, VBPBPL (PT).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TƯ PHÁP
TỈNH ĐẮK NÔNG

Trần Thanh Tài

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG **SỞ LAO ĐỘNG** **THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 322 /BC-SLĐTBXH	*Đắk Nông, ngày 27 tháng 9 năm 2023*

BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp về dự thảo Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nhận được Báo cáo thẩm định số 34/BCTĐ-STP ngày 25/9/2023 của Sở Tư pháp thẩm định Dự thảo Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Trên cơ sở ý kiến Thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Lao động - TB&XH báo cáo tiếp thu và giải trình một số ý kiến, cụ thể như sau:

1. Sự cần thiết ban hành; đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo nghị quyết

a) Sự cần thiết ban hành dự thảo Nghị quyết

- Về cơ sở pháp lý:

Ngày 17/6/2022, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Đến thời điểm hiện tại, các căn cứ pháp lý trực tiếp để ban hành Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND vẫn còn hiệu lực. Trong đó, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP, qua rà soát của Sở Tư pháp nội dung sửa đổi không liên quan trực tiếp đến các nội dung tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND.

- Cơ sở thực tiễn (Theo giải trình của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tại dự thảo Tờ trình):

"Việc tham mưu ban hành các nghị quyết của HĐND tỉnh và các quyết định của UBND tỉnh đã đáp ứng yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ về thời gian giao kế hoạch vốn đầu tư và giao dự toán ngân sách nhà nước (trước 01/7/2022). Tuy

nhiên, sau khi tỉnh Đắk Nông giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, năm 2023 một số Bộ, ngành Trung ương mới ban hành các thông tư, văn bản hướng dẫn thực hiện và giao các chỉ tiêu, nhiệm vụ các dự án thành phần, dẫn đến một số chỉ tiêu, nhiệm vụ không trùng khớp với các nhiệm vụ, mục tiêu mà HĐND và UBND tỉnh đã giao và phân bổ dự toán giai đoạn 2021-2025, năm 2022, năm 2023 cho các ngành, địa phương. Từ đó, kinh phí đã được giao dự toán ở một số dự án, tiểu dự án thành phần (nguồn vốn sự nghiệp) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo trong 02 năm 2022-2023 vừa qua không thể giải ngân hoặc khó khăn trong việc giải ngân, ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ giải ngân toàn Chương trình. Để có cơ sở kịp thời giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2024 (dự kiến vào tháng 12/2023), đồng thời, để giải quyết một số khó khăn, vướng mắc...". Đối với nội dung này, đề nghị cơ quan soạn thảo cần làm rõ hơn nội dung không trùng khớp giữa các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương sau khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND (không trùng khớp tại văn bản nào, điều khoản nào?....). Vì qua rà soát, nghiên cứu nội dung giải trình và các văn bản có liên quan, Sở Tư pháp thấy chủ yếu vướng về tình hình thực hiện trên thực tế của địa phương (không phát sinh hoặc chưa phát sinh một số nội dung, dự án đã được cấp kinh phí), không vướng về quy định có liên quan của cơ quan Trung ương đến thời điểm hiện tại?

Theo quy định tại Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì HĐND tỉnh có thẩm quyền ban hành văn bản trong trường hợp để thực hiện biện pháp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nên việc UBND tỉnh tham mưu HĐND tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết là phù hợp, đúng thẩm quyền, tuy nhiên, đối với sự cần thiết ban hành văn bản, cơ quan soạn thảo cần làm rõ thêm một số nội dung như đã nêu.

Cơ quan soạn thảo tiếp thu và chỉnh sửa vào dự thảo Tờ trình, cụ thể:

"Việc tham mưu ban hành các nghị quyết của HĐND tỉnh và các quyết định của UBND tỉnh đã đáp ứng yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ về thời gian giao kế hoạch vốn đầu tư và giao dự toán ngân sách nhà nước (trước 01/7/2022).

Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh được tham mưu, ban hành ngay sau khi có Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 và Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

Cùng thời điểm này, một số Bộ, ngành Trung ương cũng tham mưu, ban hành các thông tư, văn bản hướng dẫn thực hiện các dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo như (Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH, ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động – TB&XH Hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025; Thông tư số 06/TT/2022-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc

gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025, ...).

Sau khi tỉnh Đắk Nông giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, năm 2023, các đơn vị, địa phương đã tích cực triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025. Đến thời điểm hiện nay, hầu hết các dự án, tiểu dự án đã giải ngân được một phần vốn năm 2022 và đang trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt, giải ngân vốn năm 2022 chuyển qua và vốn bố trí năm 2023. Tuy nhiên, bên cạnh đó quá trình triển khai một số dự án, tiểu dự án (sử dụng nguồn vốn sự nghiệp) ở một số Sở, ngành, địa phương đã phát sinh một số khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn, cụ thể như sau:

Cơ quan được giao vốn không nhận được hồ sơ đăng ký tham gia dự án; năng lực, nhân lực của đơn vị được giao vốn không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ; không phát sinh nội dung chi từ dự án đã được cấp kinh phí; các cơ quan cấp tỉnh chủ trì dự án, tiểu dự án thành phần không có kinh phí để thực hiện kiểm tra, giám sát; hoạt động truyền thông cấp tỉnh khó chi hết dự toán được giao trong khi đó hoạt động truyền thông cấp cơ sở không có kinh phí thực hiện... Từ đó, tỷ lệ giải ngân nguồn vốn của một số dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình trong gần hai năm đạt rất thấp hoặc đến thời điểm hiện nay chưa thể giải ngân, ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả giải ngân của toàn Chương trình.

Từ thực tiễn đó, vừa để kịp thời tận dụng tối đa nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ cho tỉnh; tạo cơ hội cho thật nhiều hộ nghèo, hộ cận nghèo của tỉnh được tiếp cận nguồn vốn bằng hình thức phù hợp, nhanh nhất, hiệu quả nhất để phát triển kinh tế vươn lên thoát nghèo. Đảm bảo theo quy định tại Điều 27 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Hội đồng nhân dân tỉnh có thẩm quyền ban hành văn bản trong trường hợp để thực hiện biện pháp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương (chủ động điều tiết tỷ lệ phân bổ vốn), đây là một trong những giải pháp cần thiết, kịp thời để thúc đẩy việc giải ngân nguồn vốn đã được Trung ương hỗ trợ cho tỉnh; nâng cao tính chủ động, linh hoạt của các cấp chính quyền trong quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

Do đó, để có cơ sở kịp thời giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông các năm 2024 và 2025, đặc biệt là giao dự toán thực hiện năm 2024 (dự kiến vào tháng 12/2023), Ủy ban nhân dân tỉnh kính báo cáo và giải trình một số khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tế cần thiết, cấp thiết phải sửa đổi, bổ sung Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Các nội dung khó khăn, vướng mắc và đề xuất sửa đổi, bổ sung, cụ thể như sau:"

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân quy định chi tiết; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật:

a) Đối với tên gọi Nghị quyết, đề nghị rà soát, viết chính xác và thống nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 77 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Mẫu số 36 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP:

"Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông".

Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu và chỉnh sửa vào hồ sơ dự thảo.

b) Đối với phần căn cứ pháp lý:

+ Đề nghị bổ sung căn cứ pháp lý sau: *Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020* cho đầy đủ, chính xác.

+ Bỏ căn cứ: *Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông*, cho chính xác theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Cơ quan soạn thảo tiếp thu và chỉnh sửa vào hồ sơ dự thảo.

c) Tại khoản 1 Điều 1 dự thảo:

+ Đối với nội dung "*Đối với Sở Lao động – TB&XH là cơ quan cấp tỉnh chủ trì Dự án 2, chỉ thực hiện được dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị **phạm vi liên huyện**, các phương thức còn lại không được phép thực hiện*" theo giải trình của cơ quan soạn thảo về lý do sửa đổi "*phân bổ 100% vốn cho cấp huyện triển khai*" (theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND thì *"Phân bổ 20% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ quản Dự án để phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Dự án điểm nhân rộng mô hình"* , đề nghị làm rõ hơn cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn? Vì qua rà soát của Sở Tư pháp không có nội dung nào quy định về vấn đề trên.

Cơ quan soạn thảo tiếp thu và giải trình như sau:

Về cơ sở pháp lý:

"Theo tỷ lệ phân bổ được quy định nêu trên, nguồn vốn được bố trí trong 02 năm (2022-2023) tại các Quyết định số 1078/QĐ-UBND và Quyết định số 2115/QĐUBND ngày 15/12/2022 giao cho cơ quan cấp tỉnh chủ trì Dự án là Sở Lao động – TB&XH để phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Dự án là 10.076 triệu đồng (năm 2022 là 2.863 triệu đồng và năm 2023 là 7.213 triệu đồng).

Tại khoản 9, Điều 3 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và khoản 1, Điều 4 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH quy định bốn phương thức hỗ trợ phát triển sản xuất, gồm: dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ và dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đặc thù, theo đó:

- Đối với phương thức thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản

xuất cộng đồng do cấp huyện, xã làm chủ đầu tư, được quy định tại điểm b, c khoản 2, Điều 7 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH.

- Đối với phương thức thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ tại điểm a, khoản 2, Điều 8, Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH quy định: "a) ***Cơ quan được bố trí kinh phí*** *để thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất* ***giao cho cơ quan, đơn vị trực thuộc chủ trì thực hiện*** *dự án mô hình giảm nghèo tiến hành khảo sát, xây dựng dự án,...". Sở Lao động – TB&XH có 02 đơn vị trực thuộc là Trung tâm bảo trợ xã hội và Trung tâm dịch vụ việc làm, tuy nhiện cả hai đơn vị trực thuộc này đều không có chức năng, nhiệm vụ để thực hiện các dự án giảm nghèo theo quy định.*

- Đối với phương thức thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất đặc thù, khoản 2, Điều 9 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH, quy định phương thức này chỉ được phép áp dụng đối với các có quan, đơn vị trực thuộc cấp Bộ, ngành Trung ương.

- Đối với phương thức còn lại thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, các cơ quan cấp tỉnh chủ trì dự án được phép tham mưu, thực hiện. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm d, khoản 3, Điều 21 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng sở, ban, ngành trực thuộc phê duyệt dự án, kế hoạch ***liên kết thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh;*** *Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết* ***thuộc phạm vi quản lý cấp huyện.***

Như vậy, trong bốn phương thức này, cơ quan cấp tỉnh chủ trì Dự án là Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chỉ thực hiện được dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo ***chuỗi giá trị phạm vi liên huyện,*** *các phương thức còn lại không thực hiện được."*

Về cơ sở thực tiễn

"Tháng 5/2023, sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Cơ quan cấp tỉnh chủ trì Dự án 2 (Sở Lao động – TB&XH) đã phối hợp với Liên minh hợp tác xã tỉnh, các đơn vị có liên quan thông báo kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo đến các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, tỷ lệ giải ngân của dự án đạt 0%, do chưa phát sinh hồ sơ đăng ký tham gia dự án. Do gặp một số khó khăn như sau:

Đắk Nông với đặc thù là tỉnh rất có tiềm năng về phát triển chuỗi giá trị liên kết trong lĩnh vực nông nghiệp. Các ngành nghề phi nông nghiệp tại tỉnh (dịch vụ, thương mại, du lịch phát triển chậm hơn), ... khó hình thành chuỗi liên kết giá trị. Tuy nhiên, để hình thành và phát triển được chuỗi giá trị liên kết trong lĩnh vực nông nghiệp phải có nguồn nguyên liệu sạch, an toàn, đặc biệt các sản phẩm nông sản phải đạt các tiêu chuẩn

chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm, nông nghiệp tốt, chứng nhận hữu cơ, ...

Trên địa bàn tỉnh hiện nay đã hình thành và phát triển các chuỗi giá trị liên kết, đặc biệt là chuỗi giá trị liên kết trong lĩnh vực nông nghiệp, tuy nhiên đa số các chuỗi giá trị liên kết đều được thực hiện trong phạm vi một huyện và có quy mô nhỏ lẽ; số lượng chuỗi liên kết phạm vi liên huyện hiện nay rất ít.

Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 5, Điều 20 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 ngày 4 năm 2022 của Chính phủ (được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ): "Các dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án, mô hình có trên 70% người dân tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo". Với điều kiện này mỗi chuỗi giá trị liên kết yêu cầu phải có số lượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tương đối lớn (đa số năng lực sản xuất còn nhiều hạn chế, dễ làm đứt gãy các chuỗi liên kết) ...; Nội dung hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước và mục tiêu của Chương trình là đầu tư, hỗ trợ cho các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo,... . Đối với các hộ không là hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, các tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân khác khi tham gia vào dự án chỉ được hỗ trợ các nội dung như đào tạo kiến thức lý thuyết, kỹ thuật sản xuất, ... Từ đó, rất khó để thu hút các hợp tác xã, doanh nghiệp ký kết hợp đồng tham gia dự án (trách nhiệm quản lý dự án cao nhưng thụ hưởng nguồn lực từ dự án rất ít)."

+ Hơn nữa trong nội dung về dự án 2 về đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo tại Quyết định số 90/QĐ-TTg vẫn có nội dung hỗ trợ về "nhân rộng, phát triển mô hình, dự án giảm nghèo" (mặc dù so với Quyết định số 1722/QĐ-TTg cách dùng từ ngữ khác – tại tiểu dự án 3 Quyết định 1722/QĐ-TTg quy định *"Tiểu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo."* Nhưng về cơ bản nội dung, đối tượng hỗ trợ là như nhau). Do đó, nội dung thực hiện nhân rộng mô hình giảm nghèo nếu xuất phát từ huyện này để áp dụng cho huyện khác thì vẫn thuộc trách nhiệm của cơ quan chủ trì cấp tỉnh?

Vì vậy, theo ý kiến của Sở Tư pháp đối với nội dung này có thể sửa lại theo hướng quy định mức phân bổ tối đa, tối thiểu (ví dụ: phân bổ cho cơ quan cấp tỉnh tối đa 10%, cơ quan cấp huyện tối thiểu 90%...để các cơ quan này chủ động thực hiện và tránh trường hợp sang năm tiếp theo phát sinh dự án liên kết huyện – như giải trình của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội hoặc để thực hiện việc nhân rộng mô hình giảm nghèo từ huyện này qua huyện khác? Trong trường hợp không phát sinh các nội dung này trong năm thì phân bổ hết 100% cho cấp huyện để thực hiện. Đồng thời tránh trường hợp phải sửa đổi, bổ sung văn bản nhiều lần.

Cơ quan soạn thảo tiếp thu và chỉnh sửa vào hồ sơ dự thảo Nghị quyết, cụ thể:

"a) Tỷ lệ phân bổ: Phân bổ tối đa 10% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ trì Dự án để triển khai thực hiện Dự án.

Phân bổ tối thiểu 90% ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố để triển khai thực hiện Dự án".

+ Tại dự thảo Tờ trình, cơ quan soạn thảo đã nêu: "*Như vậy, để thực hiện phù hợp, hiệu quả nguyên tắc trong quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia quy định tại Khoản 3, Điều 4, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 ngày 4 năm 2022 của Chính phủ: "3. Đẩy mạnh phân cấp, trao quyền cho địa phương, nhất là cấp cơ sở nhằm nâng cao tính chủ động, linh hoạt của các cấp chính quyền trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư tham gia vào quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát các chương trình mục tiêu quốc gia", tận dụng tối đa nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ cho tỉnh để thực hiện Dự án 2 của Chương trình. Đặc biệt, phù hợp với tình hình thực tiễn tại tỉnh (qua gần hai năm triển khai Chương trình, theo đánh giá của các đơn vị, địa phương Đắk Nông phù hợp để thực hiện phương thức hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng), nếu các năm 2024, 2025 tiếp tục phân vốn về đơn vị chủ trì dự án cấp tỉnh thì sẽ khó khăn hoặc không thể giải ngân. Do đó, đề nghị Hội đồng nhân tỉnh cho điều chỉnh nội dung đã được quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND, ngày 17 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh, thành:*

"2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Tỷ lệ phân bổ: Phân bổ 100% ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố để triển khai thực hiện Dự án":.

Tuy nhiên, cơ quan soạn thảo cần phải cáo kết quả cụ thể về tiến độ giải ngân, kết quả triển khai của "Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo" tại các huyện, thành phố để tăng tính thuyết phục, tạo cơ sở của việc đề xuất sửa đổi, bổ sung (tại Phụ lục kết quả giải ngân gửi kèm hồ sơ thẩm định, số liệu đưa ra là số liệu chung về kết quả giải ngân vốn chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo năm 2022, năm 2023 đến ngày 25/8/2023, không phải là số liệu đối với từng dự án – liên quan đến việc đề xuất sửa đổi, bổ sung).

+ Ngoài ra, tại dự thảo Tờ trình, cơ quan soạn thảo có nêu "*Theo tỷ lệ phân bổ được quy định nêu trên, nguồn vốn được bố trí trong 02 năm (2022-2023) tại các Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách nhà nước thực hiện 03 chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2022 và Quyết định số 2115/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách nhà nước thực hiện 03 chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023* ***cho cơ quan cấp tỉnh chủ quản Dự án là Sở Lao động – Thương binh và Xã hội để phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Dự án là 10.076 triệu đồng*** *(năm 2022 là 2.863 triệu đồng và năm 2023 là 7.213 triệu đồng)*".

Tuy nhiên, Phụ lục kết quả giải ngân gửi kèm hồ sơ thẩm định, số liệu đưa ra là số liệu chung về kết quả giải ngân vốn chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo năm 2022, năm 2023 đến ngày 25/8/2023, các số liệu liên quan được đưa ra

chưa thống nhất. Tại cột Kết quả giải ngân vốn giao năm 2023 lại được giao 1.500 triệu đồng. Đề nghị cơ quan soạn thảo phân tích rõ hơn các số liệu nêu trên, ngoài những số liệu chung thì cần chi tiết, bóc tách các số liệu cụ thể liên quan đến những nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung trong dự thảo.

Cơ quan soạn thảo tiếp thu toàn bộ nội dung góp ý này, đã chỉnh sửa phụ lục kết quả giải ngân và cập nhật lại số liệu giải ngân tới thời điểm hiện tại - ngày 25/9/2023. (Số liệu dự thảo lấy ý kiến cập nhật ngày 25/8/2023).

- Tại khoản 2 Điều 1:

Tại dự thảo Tờ trình, cơ quan soạn thảo đã đưa ra lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung như sau: "*phương thức hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị phạm vi liên huyện (gặp khó khăn, vướng mắc tương tự như Dự án 2 đã giải trình ở khoản 1 nêu trên) và phương thức hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ không được khuyến khích thực hiện...*".

Tuy nhiên, tại khoản 14, Điều 1, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP đã quy định:

"*1. Điều kiện thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ*

a) Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ được áp dụng trong thực hiện các dự án, mô hình thuộc quản lý của các cơ quan trung ương.

Đối với thực hiện các dự án, mô hình thuộc quản lý của địa phương, ***chỉ áp dụng cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ trong trường hợp đã xem xét khả năng áp dụng hình thức hỗ trợ theo quy định tại Điều 21, Điều 22 nhưng không huy động được sự tham gia*** *của doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức khác* ***hoặc không có đề xuất*** *từ cộng đồng dân cư;* ***hoặc thực hiện*** *các dự án hỗ trợ người dân đang chịu thiệt hại nặng nề bởi thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường; dự án, mô hình cho các nhóm đối tượng yếu thế; hỗ trợ sản xuất gắn với củng cố quốc phòng an ninh, bình đẳng giới; mô hình ứng dụng công nghệ, kỹ thuật sản xuất mới...*".

Như vậy, quy định của pháp luật không phải mang tính "không được khuyến khích thực hiện" như cơ quan soạn thảo đã đề cập; mà quy định rất rõ về thứ tự ưu tiên thực hiện. Vì vậy, cơ quan soạn thảo cần chứng minh cụ thể hơn việc không thể đáp ứng các yêu cầu, nội dung công việc theo thứ tự ưu tiên mà pháp luật đã quy định để tạo tính thuyết phục trong nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung.

Cơ quan soạn thảo tiếp thu và chỉnh sửa vào dự thảo, như sau:

"Phương thức hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ **khó** thực hiện, với lý do tại khoản 14, Điều 1, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, quy định:

"14. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau:

Điều 23. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

1. Điều kiện thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

a) Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ được áp dụng trong thực hiện các dự án, mô hình thuộc quản lý của các cơ quan trung ương.

Đối với thực hiện các dự án, mô hình thuộc quản lý của địa phương, chỉ áp dụng cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ trong trường hợp đã xem xét khả năng áp dụng hình thức hỗ trợ theo quy định tại Điều 21, Điều 22 nhưng không huy động được sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức khác hoặc không có đề xuất từ cộng đồng dân cư; hoặc thực hiện các dự án hỗ trợ người dân đang chịu thiệt hại nặng nề bởi thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường; dự án, mô hình cho các nhóm đối tượng yếu thế; hỗ trợ sản xuất gắn với củng cố quốc phòng an ninh, bình đẳng giới; mô hình ứng dụng công nghệ, kỹ thuật sản xuất mới.

Do đó, để phù hợp với thực tiễn tại tỉnh và các quy định hiện hành trong thực hiện chương trình, đề nghị Hội đồng nhân tỉnh cho điều chỉnh nội dung đã được quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND, thành:

"a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

Phân bổ tối đa 10% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ trì Dự án để phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

Phân bổ tối thiểu 90% ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố để triển khai thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3".

- Tại khoản 3 Điều 1:

Tại dự thảo Tờ trình, cơ quan soạn thảo đã đưa ra lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung như sau: "*Tuy nhiên, tại các văn bản của Bộ Y tế về thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia gồm: Quyết định số 2415/QĐ-BYT ngày 05/9/2022; Quyết định số 1768/QĐ-BYT ngày 30/6/2022 và Quyết định số 1858/QĐBYT ngày 06/7/2022 để hướng dẫn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia,* ***đều có hướng dẫn về phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em là chủ yếu****, trong khi đó mỗi huyện có 2 đơn vị (Phòng Y tế do UBND huyện giao vốn, Trung tâm Y tế huyện do Sở Y tế giao vốn) cùng có nguồn kinh phí để thực hiện, nếu để 02 đơn vị* ***cùng*** *triển khai việc mua sản phẩm dinh dưỡng cấp cho trẻ em* ***thì chắc chắn sẽ có sự trùng lắp đối tượng*** *trên cùng 01 địa bàn. Đồng thời, một số Phòng Y tế cấp huyện (Tuy Đức, Đắk Glong, Đắk Mil) hiện tại biên chế chỉ có 01 đến 02 cán bộ, không đủ nhân lực để triển khai thực hiện và triển khai Chương trình, đồng thời không đúng với chức năng, nhiệm vụ được giao tại các văn bản hướng dẫn nêu trên, sẽ khó khăn trong việc thực hiện dự án, quyết toán, thanh tra, kiểm toán,...".*

Ngày 06/9/2023, Bộ Y tế đã ban hành Quyết định số 3452/QĐ-BYT hướng dẫn thực hiện nội dung cải thiện dinh dưỡng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và thay thế Quyết định số 1768/QĐ-BYT ngày 30/6/2022 của Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện nội dung

cải thiện dinh dưỡng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu quy định này để tham mưu cho phù hợp.

Cụ thể: tại Quyết định số 3452/QĐ-BYT đã xác định đối tượng hỗ trợ trực tiếp là trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo **và** phụ nữ mang thai và cho con bú, hộ gia đình, cơ sở y tế, trường học trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo. Ngoài ra, Quyết định số 3452/QĐ-BYT đã quy định cụ thể phương thức hỗ trợ tại mục III.2; đồng thời, cũng quy định cụ thể các nội dung hoạt động cải thiện dinh dưỡng mà địa phương thực hiện tại muc VII.1.2, VII.2.2, VII.3.2. Theo đó, nội dung hoạt động cải thiện dinh dưỡng không chỉ tập trung vào việc triển khai việc mua sản phẩm dinh dưỡng cấp cho trẻ em mà còn các hoạt động khác (ví dụ: Tăng cường chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, bà mẹ cho con bú; tăng cường nuôi con bằng sữa mẹ và ăn bổ sung thông qua các hình thức truyền thông trực tiếp, thực hành dinh dưỡng tại trạm y tế xã, phường, thị trấn, thôn bản; Tổ chức thực hiện bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng và giáo dục dinh dưỡng cho học sinh bán trú/nội trú;...). Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu thêm các nội dung này. Đồng thời, đề nghị rà soát, đánh giá kỹ cho phù hợp với nguyên tắc trong quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia quy định tại khoản 3 Điều 4, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP: *"3. Đẩy mạnh phân cấp, trao quyền cho địa phương, nhất là cấp cơ sở nhằm nâng cao tính chủ động, linh hoạt của các cấp chính quyền trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia..."*.

Cơ quan soạn thảo giải trình như sau:

Quá trình triển khai thực hiện, Sở Y tế đã lập Kế hoạch, chuẩn bị giải ngân vốn được giao, dự kiến đạt 100%.

Tại cấp huyện, Phòng y tế được bố trí vốn, có trách nhiệm triển khai thực hiện dự án, tuy nhiên hiện nay biên chế Phòng y tế chỉ có 01 đến 02 cán bộ, không đủ nhân lực và năng lực, chuyên môn nghiệp vụ để triển khai. Đồng thời, ở một số huyện như Tuy Đức, Đắk Mil, Đắk Glong sáp nhập Phòng y tế vào Văn phòng UBND huyện, do đó việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc tiểu dự án cải thiện dinh dưỡng gặp rất nhiều khó khăn. Từ tình hình thực tế nêu trên, việc thực hiện chuyển nguồn kinh phí để giao về cơ quan chuyên môn cấp tỉnh chủ trì tiểu dự án là Sở y tế (giao nguồn vốn cho các đơn vị trực thuộc là Trung tâm Y tế các huyện, thành phố) để quản lý, tổ chức thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và tập trung, hiệu quả, tiết kiệm.

- Tại khoản 4 Điều 1:

+ Việc đề xuất có cơ sở theo nguyên tắc trong quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia quy định tại khoản 3 Điều 4, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP. Tuy nhiên, cơ quan soạn thảo cần làm rõ hơn, giải trình cụ thể về cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung tỷ lệ phân bổ vốn. Dựa vào những cơ sở, yếu tố

nào để phân bổ 100% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh thành phân bổ 60% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ trì Tiểu dự án để thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 6; phân bổ 40% ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố để thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 6 đối với hoạt động về Truyền thông về giảm nghèo?

Cơ quan soạn thảo cần phải dựa vào các nội dung quy định tại Điều 14, Điều 15 Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT để xác định cụ thể khối lượng công việc của cấp tỉnh, cấp huyện trong hoạt động về Truyền thông về giảm nghèo. Từ đó, đề xuất tỷ lệ phân bổ vốn cho phù hợp.

Cơ quan soạn thảo tiếp thu và giải trình như sau:

Tại Điều 14 và Điều 15 Thông tư số 06/TT/2022-BTTTT, quy định 03 nhiệm vụ về công tác thông tin, truyền thông về công tác giảm nghèo đa chiều và Điều 15 quy định 07 hình thức thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo đa chiều. Theo đó, các nhiệm vụ và hình thức thông tin, tuyên truyền về giảm nghèo đa chiều thực hiện được ở cả cơ quan cấp tỉnh và cấp cơ sở (huyện, xã). Với các hình thức nêu trên việc ưu tiên nguồn lực để cấp tỉnh thực hiện các nội dung thông tin, tuyên truyền trên báo chí, xuất bản phẩm; tổ chức các hoạt động, phong trào thi đua "Vì người nghèo – không để ai bị bỏ lại phía sau" quy mô cấp tỉnh; thực hiện các Chương trình truyền hình, phát hành sổ tay, tờ rơi; duy trì hoạt động Trang thông tin điện tử về giảm nghèo; Cấp huyện thực hiện các hoạt động thực tế tại cộng đồng, như: tổ chức đối thoại nói chuyện chuyên đề; sân khấu hóa các hoạt động truyền thông về giảm nghèo thu hút chính người dân tham gia sát với tình hình thực tiễn tại tỉnh ta (tỷ lệ hộ nghèo cao (tỷ lệ 7,97%), trong đó hộ nghèo là người đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ cao (20,11%) số liệu rà soát cuối năm 2022. Địa hình tại tỉnh ta đa phần đồi núi, nhiều thôn/buôn/bon cách xa trung tâm các xã, thị trấn,.... Việc phân bổ 60% cho cơ quan cấp tỉnh và 40% ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố trên cơ sở ước tính khối lượng công việc cấp tỉnh và cấp huyện thực hiện, sẽ hạn chế tình trạng cơ quan cấp tỉnh dư vốn, cấp cơ sở thiếu vốn, nhằm tận dụng tối đa nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ để thực hiện tiểu dự án 2 thuộc Dự án 6 trên địa bàn tỉnh.

- Tại khoản 5 Điều 1:

+ Tại khoản 2 Điều 77 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã quy định: "*Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều phải xác định rõ chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ*". Việc cơ quan soạn thảo quy định "5. *Sửa đổi, bổ sung **tiết 1**, điểm a, khoản 7, Điều 6, như sau:...*" là chưa phù hợp (sửa đổi, bổ sung điểm...). Đề nghị xây dựng lại bố cục của khoản 5 cho đầy đủ, đúng quy định.

+ Đề nghị rà soát lại, việc đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung "*Trong đó, Sở Thông tin và Truyền thông 5%; Sở Xây dựng 5%; Sở Y tế 5%; Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn 5%*" trong Nghị quyết có phù hợp không?

Cơ quan soạn thảo tiếp thu và lược bỏ tại dự thảo.

Lý do tiếp thu lược bỏ: Việc phân vốn tiểu dự án này sẽ phụ thuộc vào quy mô, tính chất, đặc điểm và nguồn vốn Trung ương hỗ trợ đối với từng dự án, tiểu dự án, từ đó thực hiện phân bổ kinh phí kiểm tra, giám sát đối với từng cơ quan cấp tỉnh chủ trì dự án, tiểu dự án thành phần thuộc chương trình đảm bảo tính hiệu quả, tiết kiệm nguồn lực, đạt được kế hoạch giải ngân đề ra.

- Ngoài ra, cơ quan soạn thảo cần:

- Nghiên cứu bổ sung "Quy định chuyển tiếp" để kịp thời xử lý những hệ quả phát sinh trên thực tế khi dự thảo được thông qua (nếu có).

- Tiếp tục rà soát toàn bộ Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND để tham mưu sửa đổi, bổ sung các nội dung khác cho phù hợp, đầy đủ (nếu có).

Cơ quan soạn thảo tiếp thu bổ sung vào dự thảo:

*"**Điều 2.** Các nội dung khác tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông"..*

3. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Cơ quan soạn thảo cần rà soát lại lỗi chính tả cho phù hợp với ngôn ngữ tiếng Việt, đồng thời trình bày văn bản theo đúng quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Cụ thể:

- Xây dựng dự thảo theo đúng Mẫu số 36 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

- Sửa lại tên gọi và căn cứ pháp lý như đã nêu tại mục 2. Rà soát, trình bày "*ngày...tháng...năm*" tại các căn cứ pháp lý cho thống nhất.

- Việc trình bày các khoản tại Điều 1 dự thảo cần được trình bày theo Mẫu số 36 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP và Điều 77, Điều 78, Điều 79 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa tên Điều, chú ý dấu ngoặc kép...). Rà soát toàn bộ dự thảo để chỉnh sửa cho phù hợp.

- Rà soát, trình bày chữ ký văn bản, Nơi nhận: đề nghị thực hiện theo đúng quy định tại Điều 65, Điều 67 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

b) Đối với dự thảo Tờ trình

- Nội dung Tờ trình cần trình bày đúng và đầy đủ nội dung theo Mẫu số 03 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

- Thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo Tờ trình cần thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ về công tác văn thư.

Sở Lao động – TB&XH tiếp thu và đã chỉnh sửa vào dự thảo Tờ trình.

Trên đây là Báo cáo Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp về hồ sơ Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức

phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tư pháp;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, BTXH&PCTN.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỈNH ĐẮK NÔNG

Nguyễn Công Tự

BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG, SỞ, BAN NGÀNH TRONG TỈNH ĐỐI VỚI DỰ THẢO HỒ SƠ

Nghị quyết của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản thuộc Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022

STT	TÊN ĐƠN VỊ, ĐP GÓP Ý	SỐ KÝ HIỆU VĂN BẢN	NGÀY BAN HÀNH	NỘI DUNG GÓP Ý	GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN SOẠN THẢO
01	Sở Y tế	2395/SYT-KHTC	07/9/2023	Sở Y tế thống nhất không có ý kiến, góp ý bổ sung thêm. Về nội dung đề xuất điều chỉnh liên quan lĩnh vực y tế nêu trên phù hợp với phương án Sở Y tế cũng đã tham mưu, đề xuất UBND tỉnh tại Công văn số 2362/SYT-KHTC ngày 04/9/2023 V/v ý kiến về chuyển nguồn kinh phí thực hiện Dự án 7 Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS&MN và Tiểu dự án 2 Dự án 3 Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững.	**Giải trình:** Tiếp thu ý kiến
02	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	2146/SNN-PTNT	08/9/2023	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cơ bản thống nhất với các nội dung dự thảo; Tuy nhiên, có một số ý kiến góp ý bổ sung như sau: (1)- Tại khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị quyết "Phân bổ 20% ngân sách Trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ trì dự án, tiểu dự án thành phần thuộc chương trình để tổ chức giám sát, đánh giá các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình được phân công": Để thuận tiện cho việc phân bổ kinh phí thuộc Dự án 7 năm 2024, năm 2025 cho các cơ quan cấp tỉnh chủ trì dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, nghiên cứu quy định cụ thể tỷ lệ % phân bổ kinh phí nội dung này cho từng Sở, ngành chủ trì dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình. (2)- Tại mục 1 Phần 3 dự thảo Tờ trình: Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh, bổ sung như sau: "Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai	**Giải trình:** Cơ quan soạn thảo tiếp thu nội dung góp ý số (1) và đã chỉnh sửa vào dự thảo như sau: *"Phân bổ 20% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ trì dự án, tiểu dự án thành phần thuộc chương trình để tổ chức giám sát, đánh giá các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình được phân công. Trong đó, Sở Thông tin và Truyền thông 5%; Sở Xây dựng 5%; Sở Y tế 5%; Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn 5%".* Cơ quan soạn thảo tiếp thu nội dung góp ý số (2) và đã chỉnh sửa vào dự thảo như sau: *Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đối với: Dự án 2, Dự án 3 (bao gồm tiểu dự án 1 và tiểu dự án 2), Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 6 và Dự án 7, là căn cứ để lập kế hoạch sử dụng nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương*

				doạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đối với: Dự án 2, Dự án 3 (bao gồm tiểu dự án 1 và tiểu dự án 2), Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 6 và Dự án 7, là căn cứ để lập kế hoạch sử dụng nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình cho các cấp, các ngành và đơn vị sử dụng". (3)- Tại phụ lục kết quả giải ngân: Đề nghị đơn vị soạn thảo cập nhật giá trị giải ngân vốn giao năm 2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là 165.690.000 đồng, khớp với nội dung trình bày tại dự thảo Tờ trình.	*trình cho các cấp, các ngành và đơn vị sử dụng.* Cơ quan soạn thảo tiếp thu nội dung góp ý số (3) và đã chỉnh sửa vào phụ lục dự thảo.
03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1927/SKH-QLN	11/9/2023	Cơ bản thống nhất với dự thảo Nghị quyết do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì soạn thảo. Tuy nhiên, để dự thảo Nghị quyết đảm bảo chặt chẽ đồng nhất, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, điều chỉnh thống nhất về tên gọi các huyện, thành phố như Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh đã ban hành tại dự thảo Nghị quyết, cụ thể: - Tại điểm a khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết có nội dung: "a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp + Tỷ lệ phân bổ: Phân bổ 100% ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố để triển khai thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3." - Tại tiết 2 điểm b khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị quyết "b) Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo … Phân bổ 50% ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố chủ trì Tiểu dự án để thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 6." - Tại tiết 2 điểm a khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị quyết có nội dung: "a) Tỷ lệ phân bổ vốn: Phân bổ 20% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ trì Chương trình để tổ chức triển khai thực hiện Dự án nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình. … Phân bổ 60% ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố triển khai thực hiện Dự án.	Cơ quan soạn thảo tiếp thu nội dung góp ý và đã chỉnh sửa vào dự thảo.

04	Sở Tài chính	2001/STC-QLNS	18/9/2023	Sau khi nghiên cứu, về cơ bản Sở Tài chính thống nhất với đề nghị sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh theo đề xuất của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Tuy nhiên, để đảm bảo tính thống nhất, tránh điều chỉnh nhiều lần, đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội rà soát các nội dung tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND mà trong quá trình thực hiện còn vướng mắc, khó khăn không thực hiện được để điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện và theo đúng quy định tại Quyết định số 02/2022/QĐ/TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.	Cơ quan soạn thảo tiếp thu nội dung góp ý và đã chỉnh sửa vào dự thảo.
05	Phòng Lao động – TB&XH huyện Cư Jút	185/LĐTBXH-GN	08/9/2023	Đồng ý với dự thảo hồ sơ Nghị quyết	
06	Phòng LĐTBXH huyện Đăk Mil	162/LĐTBXH	08/9/2023	Đồng ý với dự thảo hồ sơ Nghị quyết	
07	UBND huyện Đắk R'lấp	1177/UBND-LĐTBXH	11/9/2023	Đồng ý với dự thảo hồ sơ Nghị quyết	
08	UBND huyện Đắk Song	4113/UBND-LĐTBXH	12/9/2023	Đồng ý với dự thảo hồ sơ Nghị quyết	
09	UBND huyện Tuy Đức	1653/UBND-LĐTBXH	11/9/2023	Đồng ý với dự thảo hồ sơ Nghị quyết	
10	Sở Xây dựng	1711/SXD-HT&QLN	08/9/2023	Đồng ý với dự thảo hồ sơ Nghị quyết	
11	Sở Thông tin và Truyền thông	1359/STTTT-VP	08/9/2023	Đồng ý với dự thảo hồ sơ Nghị quyết	
12	UBND huyện Đắk Glong	2686/UBND-LĐTBXH	15/9/2023	Đồng ý với dự thảo hồ sơ Nghị quyết	
13	UBND huyện Krông Nô	1894/UBND-LĐTBXH	14/9/2023	Đồng ý với dự thảo hồ sơ Nghị quyết	
14	UBND TP Gia Nghĩa	2089/UBND-LĐTBXH	19/9/2023	Đồng ý với dự thảo hồ sơ Nghị quyết	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 05/2022/NQ-HĐND	*Đắk Nông, ngày 17 tháng 6 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG KHÓA IV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 3

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia.

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 3097/TTr-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Nghị quyết ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Báo

cáo thẩm tra của Ban Văn hóa – Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Khoá IV, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ 3 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 27 tháng 6 năm 2022./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Lao động TBXH, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Thông tin và TT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban đảng Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh khóa IV;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, TP;
- UBND các xã trên địa bàn tỉnh;
- Công báo tỉnh; Cổng TTĐT tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh; Báo Đắk Nông;
- Trung tâm Lưu trữ - Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, CT HĐND, HC-TC-QT, HSKH.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Lưu Văn Trung

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

(Kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (sau đây viết tắt là Chương trình).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Sở, Ban, ngành của tỉnh, các huyện, thành phố và các đơn vị sử dụng kinh phí Chương trình.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện Chương trình

1. Nguyên tắc phân bổ vốn và cơ chế lồng ghép, huy động các nguồn vốn

- Việc phân bổ vốn từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng, đúng quy định của pháp luật trong quản lý, tổ chức triển khai thực hiện, không để xảy ra thất thoát, lãng phí, tham nhũng, tiêu cực.

- Thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý và tăng cường lồng ghép các nguồn vốn thực hiện Chương trình, đảm bảo sử dụng vốn tập trung, tiết kiệm, hiệu quả; khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, trùng lắp, lãng phí.

- Các nguồn vốn huy động để thực hiện lồng ghép phải trên nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch, thông qua nhiều hình thức đóng góp (bằng tiền mặt, hiện vật, ngày công lao động,...)

2. Nguyên tắc thực hiện cơ chế đặc thù

Các dự án quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp được xem xét tổ chức thực hiện theo cơ chế đặc thù nhằm phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư tham gia vào quá trình lập kế hoạch tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện Chương trình.

3. Nguyên tắc phân cấp

Phân công, phân cấp rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp trong thực hiện dự án, chính sách thống nhất, đồng bộ, hiệu quả. Thực hiện đẩy mạnh phân cấp trao quyền cho các địa phương, nhất là cấp cơ sở; phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư tham gia vào quá trình thực hiện Chương trình.

Điều 4. Quy định nguồn vốn và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình

1. Nguồn vốn thực hiện

Nguồn ngân sách Trung ương và vốn đối ứng của ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan; Nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

2. Quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình.

Ngân sách địa phương đảm bảo bố trí đủ vốn đối ứng cho Chương trình theo tỷ lệ quy định. Các huyện, thành phố không bố trí đủ nguồn vốn đối ứng theo quy định, khi phân bổ kế hoạch vốn năm sau sẽ trừ tương ứng với số vốn đối ứng không thực hiện trong năm kế hoạch.

Hằng năm, ngân sách địa phương (tỉnh, huyện) đối ứng tối thiểu bằng 10% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình, chia ra tỷ lệ vốn đối ứng như sau:

- Đối với huyện Đắk Glong, huyện Tuy Đức: Hằng năm, ngân sách tỉnh đối ứng cho mỗi huyện 70%, ngân sách huyện đối ứng 30% tổng ngân sách đối ứng của mỗi địa phương.

- Đối với huyện Krông Nô, huyện Đắk Song: Hằng năm, ngân sách tỉnh đối ứng cho mỗi huyện 30%, ngân sách huyện đối ứng 70% tổng ngân sách đối ứng của mỗi địa phương.

- Các huyện còn lại và thành phố Gia Nghĩa: Hằng năm, tự cân đối bố trí nguồn vốn đối ứng từ nguồn ngân sách địa phương.

Điều 5. Quy định chung về tiêu chí phân bổ

1. Quy mô dân số để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê năm 2021.

2. Số liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của các huyện, thành phố để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2022-2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Huyện khu vực vùng cao, biên giới đất liền; đơn vị hành chính cấp xã của huyện, của tỉnh để tính hệ số được xác định căn cứ vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

4. Huyện nghèo do cấp có thẩm quyền phê duyệt theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025.

5. Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn các huyện, thành phố căn cứ số liệu công bố năm 2020 của Cục Thống kê tỉnh.

6. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng, thấp còi theo số liệu năm 2020 của Sở Y tế.

7. Số trường cao đẳng của tỉnh để tính điểm căn cứ vào số lượng thực tế tính đến năm 2021; cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của các huyện, thành phố để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu năm 2020; Số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện, thành phố để tính điểm căn cứ vào kết quả báo cáo kế hoạch tuyển sinh năm 2020 của các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

8. Trường hợp địa bàn đáp ứng nhiều chỉ số trong cùng một tiêu chí phân bổ vốn thì áp dụng chỉ số có hệ số phân bổ vốn cao nhất.

Điều 6. Xác định hệ số của từng tiêu chí theo từng Dự án

1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo

a) Tỷ lệ phân bổ: Phân bổ 100% ngân sách trung ương cho các huyện nghèo để triển khai thực hiện Dự án 1.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn đối với huyện nghèo:

STT	Tiêu chí	Hệ số
1	**Quy mô dân số của huyện**	
	Dưới 15.000 hộ	0,17
	Từ 15.000 hộ trở lên	0,2
2	**Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện**	
	Dưới 55%	0,37
	Từ 55% trở lên	0,41
3	**Đặc điểm địa lý của huyện**	**Hệ số**
	Huyện có xã biên giới	0,14
	Huyện thuộc khu vực vùng cao	0,12
4	**Số đơn vị hành chính cấp xã**	**Hệ số**
	Dưới 10 xã	0,1

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện nghèo:

- Vốn hỗ trợ đầu tư phát triển phân bổ cho từng huyện nghèo được tính theo công thức: $\mathbf{A_i = Q.X_i}$

Trong đó:

A_i là vốn đầu tư phát triển phân bổ cho huyện nghèo thứ i.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện nghèo thứ i.

Q là vốn bình quân cho một huyện nghèo được tính theo công thức:

$$Q=\frac{G}{T}$$

G là tổng số vốn đầu tư phát triển của ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện nghèo để thực hiện Dự án 1.

T là tổng hệ số các tiêu chí của các huyện nghèo.

- Vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: Bằng 10% vốn đầu tư phát triển, theo kế hoạch vốn đầu tư phát triển trung hạn của từng địa phương.

d) Trường hợp Trung ương phân bổ vốn Dự án 1 cụ thể cho từng huyện nghèo thì thực hiện theo phân bổ của Trung ương, không áp dụng định mức phân bổ tại Điều này.

2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Tỷ lệ phân bổ: Phân bổ 20% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ quản Dự án để phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Dự án điểm nhân rộng mô hình.

Phân bổ 80% ngân sách trung ương cho các địa phương triển khai thực hiện Dự án.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện, thành phố:

STT	Tiêu chí	
1	**Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố**	**Hệ số**
	Dưới 5%	0,4
	Từ 5% đến dưới 15%	0,5
	Từ 15% đến dưới 30%	0,6
	Từ 30% trở lên	0,7
2	**Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố**	
	Dưới 3.000 hộ	0,4
	Từ 3.000 đến dưới 5.000 hộ	0,6
	Từ 5.000 hộ trở lên	0,8
3	**Địa bàn khó khăn**	
	Huyện nghèo	0,12
4	**Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố**	
	Dưới 10 xã	1
	Từ 10 đến 15 xã	1,3
	Từ 16 xã trở lên	1,5

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thành phố:

Vốn ngân sách phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức: $\mathbf{C_i = Q. X_i}$.

Trong đó:

C_i là vốn ngân sách phân bổ cho huyện, thành phố thứ i.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện, thành phố thứ i.

Q là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q=\frac{G}{T}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện, thành phố để thực hiện Dự án 2.

T là tổng hệ số các tiêu chí của các huyện, thành phố.

3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

+ Tỷ lệ phân bổ: Phân bổ 20% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ quản Dự án để phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

Phân bổ 80% ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố để triển khai thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3.

+ Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện, thành phố:

STT	Tiêu chí	
1	**Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố**	**Hệ số**
	Dưới 5%	0,4
	Từ 5% đến dưới 15%	0,5
	Từ 15% đến dưới 30%	0,6
	Từ 30% trở lên	0,7
2	**Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố**	
	Dưới 3.000 hộ	0,4
	Từ 3.000 đến dưới 5.000 hộ	0,6
	Từ 5.000 hộ trở lên	0,8
3	**Địa bàn khó khăn**	
	Huyện nghèo	0,12
4	**Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố**	
	Dưới 10 xã	1
	Từ 10 đến 15 xã	1,3
	Từ 16 xã trở lên	1,5

+ Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thành phố:

Vốn ngân sách phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức: $\mathbf{Đ_i = Q.X_i}$

Trong đó:

$Đ_i$ là vốn ngân sách phân bổ cho huyện, thành phố thứ i.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện, thành phố thứ i.

Q là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q=\frac{G}{T}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện, thành phố để thực hiện Tiểu dự án 1, thuộc Dự án 3.

T là tổng hệ số các tiêu chí của các huyện, thành phố.

b) Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

+ Tỷ lệ phân bổ: Phân bổ 20% ngân sách Trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ quản Dự án để phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

Phân bổ 80% ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố để triển khai thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 3.

+ Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố:

STT	Tiêu chí	Hệ số
1	**Địa bàn khó khăn**	
	Huyện nghèo	0,12
2	**Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố**	
	Dưới 10 xã	1
	Từ 10 đến 15 xã	1,3
	Từ 16 xã trở lên	1,5
3	**Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của huyện, thành phố**	**Hệ số**
	Trên 30%	1,6
	Từ 25% đến 30%	1,4
	Từ 20% đến dưới 25%	1,2
	Dưới 20%	1

+ Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thành phố:

Vốn ngân sách phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức: $\mathbf{E_i = Q.X_i}$

Trong đó:

E_i là vốn ngân sách phân bổ cho huyện, thành phố thứ i.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện, thành phố thứ i.

Q là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q=\frac{G}{T}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện, thành phố để thực hiện Tiểu dự án 2, thuộc Dự án 3.

T là tổng hệ số các tiêu chí của các huyện, thành phố.

4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

a) Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

+ Đối với vốn đầu tư phát triển

(1) Tỷ lệ phân bổ: Phân bổ 100% ngân sách trung ương thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 4 để đầu tư cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn huyện, thành phố và trường Cao đẳng công lập đã được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm theo Quyết định số 1769/QĐ-LĐTBXH ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, trường trung cấp công lập, trường cao đẳng công lập khác để đầu tư ngành, nghề trọng điểm trong thời gian tới.

(2) Tiêu chí và hệ số phân bổ cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh:

- Đối với các trường cao đẳng công lập đã được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm theo Quyết định số 1769/QĐ-LĐTBXH ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; ưu tiên căn cứ theo kế hoạch, phương án phân bổ kinh phí vốn đầu tư phát triển của Tiểu dự án 1 được cấp có thẩm quyền phê duyệt triển khai thực hiện giai đoạn 2021-2025.

- Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn huyện, thành phố căn cứ theo các tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cụ thể sau:

STT	Tiêu chí	Hệ số
1	**Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố**	**Hệ số**
	Dưới 5%	0,4
	Từ 5% đến dưới 15%	0,5
	Từ 15% đến dưới 30%	0,6
	Từ 30% trở lên	0,7
2	**Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố**	
	Dưới 3.000 hộ	0,4
	Từ 3.000 đến dưới 5.000 hộ	0,6
	Từ 5.000 hộ trở lên	0,8
3	**Số trường cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn huyện, thành phố**	

	Có 01 trường	0,5
	Có 02 trường	0,6
	Có từ 03 trường trở lên	0,7
4	**Số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện, thành phố**	
	Dưới 500 người/năm	0,5
	Từ 500 người/năm đến dưới 1.000 người/năm	0,6
	Từ 1.000 người/năm trở lên	0,7

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thành phố:

Vốn hỗ trợ đầu tư phát triển phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức: $\mathbf{H_i = Q.X_i}$

Trong đó:

H_i là vốn đầu tư phát triển phân bổ cho các huyện, thành phố thứ i.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của các huyện, thành phố thứ i.

Q là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức: $\mathbf{Q=\frac{G}{T}}$

G là tổng số vốn đầu tư phát triển của ngân sách Trung ương phân bổ để thực hiện Tiểu dự án 1, thuộc Dự án 4.

T là tổng hệ số các tiêu chí của các huyện, thành phố.

+ Đối với vốn sự nghiệp

(1) Phân bổ tối đa 20% tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương của Tiểu dự án 1, Dự án 4 cho cơ quan cấp tỉnh chủ quản Tiểu dự án để triển khai thực hiện.

(2) Phân bổ tối đa 40% tổng số vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương của Tiểu dự án 1, Dự án 4 cho các huyện, thành phố để hỗ trợ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn.

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn:

STT	Tiêu chí	Hệ số
1	**Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố**	**Hệ số**
	Dưới 5%	0,4
	Từ 5% đến dưới 15%	0,5
	Từ 15% đến dưới 30%	0,6
	Từ 30% trở lên	0,7
2	**Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố**	
	Dưới 3.000 hộ	0,4

	Từ 3.000 đến dưới 5.000 hộ	0,6
	Từ 5.000 hộ trở lên	0,8
3	**Cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn huyện, thành phố**	
	Mỗi một cơ sở giáo dục nghề nghiệp	0,2
	Mỗi một trường cao đẳng	0,3
4	**Số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện, thành phố**	
	Dưới 500 người/năm	0,5
	Từ 500 người/năm đến dưới 1.000 người/năm	0,6
	Từ 1.000 người/năm trở lên	0,7

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thành phố:

Vốn sự nghiệp phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức: $\mathbf{I_i = Q.X_i}$

Trong đó:

I_i là vốn ngân sách phân bổ cho huyện, thành phố thứ i.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện, thành phố thứ i.

Q là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{T}$$

G là tổng số vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương phân bổ cho các huyện, thành phố để thực hiện Tiểu dự án 1, thuộc Dự án 4.

T là tổng hệ số các tiêu chí của các huyện, thành phố.

(3) Phân bổ tối thiểu 40% tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương của Tiểu dự án cho các huyện, thành phố để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố:

STT	Tiêu chí	Hệ số
1	**Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố**	Hệ số
	Dưới 5%	0,4
	Từ 5% đến dưới 15%	0,5
	Từ 15% đến dưới 30%	0,6
	Từ 30% trở lên	0,7
2	**Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố**	
	Dưới 3.000 hộ	0,4

	Từ 3.000 đến dưới 5.000 hộ	0,6
	Từ 5.000 hộ trở lên	0,8
3	**Địa bàn khó khăn**	
	Mỗi một huyện nghèo	0,12
4	**Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố**	
	Dưới 10 xã	1
	Từ 10 đến 15 xã	1,3
	Từ 16 xã trở lên	1,5
5	**Số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện, thành phố**	
	Dưới 500 người/năm	0,5
	Từ 500 người/năm đến dưới 1.000 người/năm	0,6
	Từ 1.000 người/năm trở lên	0,7

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thành phố:

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$K_i = Q.X_i$$

Trong đó:

K_i là vốn ngân sách phân bổ cho huyện thứ i.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện thứ i.

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{T}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện, thành phố để thực hiện Tiểu dự án 1, thuộc Dự án 4.

T là tổng hệ số các tiêu chí của các huyện.

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

+ Tỷ lệ phân bổ vốn: Phân bổ ngân sách trung ương cho cơ quan chủ quản Dự án cấp tỉnh và các huyện để triển khai thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 4.

- Phân bổ 40% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ quản Tiểu dự án để thực hiện các nội dung: Chi hỗ trợ giới thiệu, tư vấn cho người lao động và thân nhân người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; Một phần chi phí đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo các hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận...

- Phân bổ 60% ngân sách trung ương cho các huyện nghèo để thực hiện các nội dung: Chi đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ; hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở trong thời gian đào tạo (bao gồm cả thời gian tham gia giáo dục định hướng), trang cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu; chi phí khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp...

+ Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện nghèo:

STT	Tiêu chí	Hệ số
1	**Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện**	
	Dưới 55%	0,7
	Từ 55% trở lên	0,8
2	**Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện**	**Hệ số**
	Dưới 7.000 hộ	0,5
	Từ 7.000 hộ trở lên	0,6
3	**Địa bàn khó khăn**	**Hệ số**
	Huyện có xã biên giới	0,14
	Huyện thuộc khu vực vùng cao	0,12

+ Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện nghèo:

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$L_i = Q.X_i$$

Trong đó:

L_i là vốn ngân sách phân bổ cho huyện thứ i.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện thứ i.

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q=\frac{G}{T}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện, thành phố để thực hiện Tiểu dự án 2, thuộc Dự án 4.

T là tổng hệ số các tiêu chí của các huyện.

c) Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

+ Tỷ lệ phân bổ vốn: Phân bổ ngân sách trung ương cho cơ quan chủ quản Dự án cấp tỉnh và các huyện để triển khai thực hiện Tiểu dự án 3, Dự án 4.

- Phân bổ 70% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ quản Tiểu dự án để thực hiện các nội dung: Xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, sàn giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng cơ sở dữ liệu; Xây dựng cơ sở việc tìm người - người tìm việc; Tổ chức phiên giao dịch việc làm; Xây dựng phần mềm quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu

khác; Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động; Hỗ trợ kết nối việc làm thành công...

- Phân bổ 30% ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố để thực hiện các nội dung: Tổ chức phiên giao dịch việc làm tại địa phương; Thu thập thông tin về cung lao động...

+ Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương:

STT	Tiêu chí	Hệ số
1	**Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố**	**Hệ số**
	Dưới 5%	0,4
	Từ 5% đến dưới 15%	0,5
	Từ 15% đến dưới 30%	0,6
	Từ 30% trở lên	0,7
2	**Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố**	
	Dưới 3.000 hộ	0,4
	Từ 3.000 đến dưới 5.000 hộ	0,6
	Từ 5.000 hộ trở lên	0,8
3	**Huyện, thành phố có lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn**	
	Dưới 20.000 người	1
	Từ 20.000 đến dưới 30.000 người	1,3
	Từ 30.000 đến dưới 40.000 người	1,6
	Từ 40.000 đến dưới 50.000 người	1,9
	Từ 50.000 đến dưới 60.000 người	2,2
	Từ 60.000 người trở lên	2,5

+ Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thành phố:

- Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$M_i = Q.X_i$$

Trong đó:

M_i là vốn ngân sách phân bổ cho huyện, thành phố thứ i.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện, thành phố thứ i.

Q là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{T}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện, thành phố để thực hiện Tiểu dự án 3, thuộc Dự án 4.

T là tổng hệ số các tiêu chí của các huyện, thành phố.

5. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo

a) Phân bổ vốn cho các địa phương phối hợp với các đơn vị có liên quan để tổ chức triển khai thực hiện trên cơ sở kế hoạch hằng năm căn cứ nhu cầu xây mới, sửa chữa nhà ở của hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo và đề xuất kinh phí hỗ trợ thực hiện.

b) Định mức hỗ trợ:

+ Đối với nhà xây dựng mới: Ngân sách trung ương: 40 triệu đồng;

+ Đối với sửa chữa nhà: Ngân sách trung ương: 20 triệu đồng.

6. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

a) Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

Tỷ lệ phân bổ vốn: Phân bổ 100% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ quản Tiểu dự án để triển khai thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 6.

b) Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo

Tỷ lệ phân bổ vốn: Phân bổ 100% ngân sách trung ương cho cho cơ quan cấp tỉnh chủ quản Tiểu dự án để thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 6.

7. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

a) Tỷ lệ phân bổ vốn: Phân bổ 40% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ quản Dự án để phối hợp với các đơn vị có liên quan và địa phương để tổ chức triển khai thực hiện nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình.

Phân bổ 60% ngân sách trung ương cho các địa phương triển khai thực hiện Dự án.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện, thành phố:

STT	Tiêu chí	Hệ số
1	**Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố**	**Hệ số**
	Dưới 5%	0,4
	Từ 5% đến dưới 15%	0,5
	Từ 15% đến dưới 30%	0,6
	Từ 30% trở lên	0,7
2	**Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố**	
	Dưới 3.000 hộ	0,4
	Từ 3.000 đến dưới 5.000 hộ	0,6

	Từ 5.000 hộ trở lên	0,8
3	**Địa bàn khó khăn tại các huyện, thành phố**	
	Huyện nghèo	0,12
4	**Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố**	
	Dưới 10 xã	1
	Từ 10 đến 15 xã	1,3
	Từ 16 xã trở lên	1,5

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thành phố:

Vốn ngân sách phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức: $\mathbf{N_i = Q.X_i}$

Trong đó:

$Đ_i$ là vốn ngân sách phân bổ cho huyện, thành phố thứ i.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện, thành phố thứ i.

Q là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$\mathbf{Q=\frac{G}{T}}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện, thành phố để thực hiện Dự án 7.

T là tổng hệ số các tiêu chí của các huyện, thành phố./.